

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PUBLIC API

Table of Contents

1. GIỚI THIỆU	13
2. CHỨC NĂNG	14
2.1. Authenticate	14
2.2. Lấy thông tin Access Token	15
2.3. Nhóm hàng	16
2.3.1. Lấy danh sách nhóm hàng	16
2.3.2. Lấy chi tiết nhóm hàng	18
2.3.3. Thêm mới nhóm hàng	19
2.3.4. Cập nhật nhóm hàng	20
2.3.5. Xóa nhóm hàng	21
2.4. Hàng hóa	21
2.4.1. Lấy danh sách hàng hóa	21
2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa	27
2.4.3. Thêm mới hàng hóa	31
2.4.4. Cập nhật hàng hóa	34
2.4.5. Xóa hàng hóa	37
2.4.6. Lấy thông tin thuộc tính sản phẩm	37
2.4.7 Thêm mới danh sách hàng hóa	38
2.4.8 Cập nhật danh sách hàng hóa	40
2.5. Đặt hàng	41
2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng	42
2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng	45
2.5.3. Thêm mới đặt hàng	48
2.5.4. Cập nhật đặt hàng	54
2.5.5. Xóa đặt hàng	60
2.6. Khách hàng	60
2.6.1. Lấy danh sách khách hàng	60
2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng	62
2.6.3. Thêm mới khách hàng	63
2.6.4. Cập nhật khách hàng	65
2.6.5. Xóa khách hàng	67
2.6.6 Thêm mới danh sách khách hàng	67
2.6.7 Cập nhật danh sách khách hàng	68

2.7.	Lấy danh sách chi nhánh.....	68
2.8.	Lấy danh sách người dùng	70
2.9.	Lấy danh sách tài khoản ngân hàng	71
2.10.	Thu khác.....	72
2.10.1.	Lấy danh sách thu khác.....	72
2.10.2.	Thêm mới thu khác	73
2.10.3.	Cập nhật thu khác	74
2.10.4.	Ngừng hoạt động thu khác.....	75
2.11.	Webhook	76
2.11.1.	Đăng ký Webhook	76
2.11.2.	Hủy đăng ký Webhook.....	77
2.11.3.	Khách hàng	77
2.11.4.	Hàng hóa	78
2.11.5.	Tồn kho.....	81
2.11.6.	Đặt hàng	81
2.11.7.	Hóa đơn	83
2.12.	Hóa đơn.....	86
2.12.1.	Lấy danh sách hóa đơn	86
2.12.2.	Lấy chi tiết hóa đơn	91
2.12.3.	Thêm mới hóa đơn.....	95
2.12.4.	Cập nhật hóa đơn	100
2.12.5.	Xóa hóa đơn	104
2.13.	Nhóm khách hàng.....	107
2.13.1.	Lấy danh sách nhóm khách hàng.....	107
2.14.	Sổ quỹ	108
2.14.1.	Lấy danh sách sổ quỹ.....	108
2.15.	Nhập hàng	110
2.15.1.	Lấy danh sách nhập hàng	110
2.15.2.	Lấy chi tiết nhập hàng	112
2.16.	Bảng giá	117
2.16.1.	Lấy danh sách bảng giá.....	121
2.16.2.	Lấy chi tiết bảng giá.....	123
2.17.	Kênh bán hàng.....	124
2.17.1.	Lấy danh sách kênh bán hàng	124

2.18.	Trả hàng	125
2.18.1.	Lấy danh sách trả hàng	125
2.18.2.	Lấy chi tiết phiếu trả hàng	127
2.19.	Đặt hàng nhập.....	129
2.19.1.	Lấy danh sách đặt hàng nhập	129
2.19.2.	Lấy chi tiết đặt hàng nhập	132
2.20.	Lấy danh sách location	135
2.21.	Thiết lập cửa hàng	136

Revision History

Ngày	Version	Nội dung thay đổi
16/02/2017	1.0	Tạo phiên bản đầu tiên
21/06/2017	1.1	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục 2. Chức năng, cập nhật "Authorization": Bearer {Mã Access Token} trong header của các request. Mục 2.4.3. Thêm mới hàng hóa, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> Xóa "fullName", "categoryName", "basePrice", "weight", "images" Thêm "masterUnitId", "conversionValue" Xóa "productId", "productCode", "productName" trong "inventories[]" Mục 2.4.4. Cập nhật hàng hóa, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> Thêm "branchId", Xóa trường "fullName", "categoryName" Xóa "productId", "productCode", "productName" trong "inventories[]" Mục 2.5.3. Thêm mới đặt hàng, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> Thêm "totalPayment", "accountId", "makeInvoice" Thêm "locationId", "partnerDeliveryId" trong "orderDelivery[]" Xóa "payments[]" Mục 2.5.4. Cập nhật đơn đặt hàng, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> Thêm "totalPayment", "accountId", "makeInvoice" Xóa "payments[]"
31/07/2017	1.2	<p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thêm Mục 2.12 cung cấp các API cho hóa đơn. <p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục 2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> Thêm tham số "customerCode", "toDate"

		<ul style="list-style-type: none"> • Thêm "customerCode", "createdDate" trong response <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "createdDate" trong response - Mục 2.11.6. Đặt hàng và 2.11.7. Hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "customerCode"
06/04/2018	1.3	<p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm Mục 2.13 cung cấp các API cho nhóm khách hàng. <p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.6.1. Lấy danh sách khách hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "includeCustomerGroup" trong request • Thêm tham số "groups" trong response - Mục 2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "groups" trong response - Mục 2.6.3. Thêm mới khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "groupIds" trong request • Thêm tham số "customerGroupDetails" trong response - Mục 2.6.4. Cập nhật khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "groupIds" trong request • Thêm tham số "groups" trong response
18/04/2018	1.4	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số "code" trong request - Mục 2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số "code" trong request - Mục 2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số "code" trong request - Mục 2.12.1. Lấy danh sách hóa đơn

		<ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “orderId” trong request <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.12.2. Lấy chi tiết hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số “code” trong request
16/07/2018	1.5	<p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm mục 2.14 cung cấp các API cho sổ quỹ <ul style="list-style-type: none"> • Thêm mục 2.14.1 : Lấy danh sách sổ quỹ <p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.6.4. Cập nhật khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “taxCode” trong request - Mục 2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “createdDate” trong request - Mục 2.12.1. Lấy danh sách hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “createdDate” trong request - Mục 2.4.1. Lấy danh hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “createdDate” trong response - Mục 2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “createdDate” trong response - Mục 2.12.1, 2.12.2: Lấy danh sách hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “status”, “statusValue” trong “invoiceDelivery” (trạng thái vận đơn) - Mục 2.12.3, 2.12.4: Thêm mới, cập nhật hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “status” trong “deliveryDetail” (trạng thái vận đơn) - Mục 2.11.7: Hóa đơn (Webhook) <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “status”, “statusValue” trong “invoiceDelivery” (trạng thái vận đơn)
30/07/2018	1.6	<p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm mục 2.10.1: Thêm mới thu khác - Thêm mới 2.10.2: Cập nhật thu khác - Thêm mới 2.10.3: Ngừng hoạt động thu khác

		<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.6.1. Lấy danh sách khách hàng; Mục 2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “RewardPoint” trong response - Mục 2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng; Mục 2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng; Mục 2.12.1. Lấy danh sách hóa đơn; Mục 2.12.2. Lấy chi tiết hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “Note” trong response - Mục 2.4.4. Cập nhật hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “IsActive” trong request • Thêm tham số “IsRewardPoint” trong request - Mục 2.5.3. Thêm mới đặt hàng; Mục 2.5.4. Cập nhật đặt hàng; Mục 2.12.3. Thêm mới hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm mới tham số “Surchages” trong request - Mục 2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng; Mục 2.5.3. Thêm mới đặt hàng; Mục 2.5.4. Cập nhật đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm mới tham số “InvoiceOrderSurchages” trong response
11/03/2019	1.7	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.4.1 lấy danh sách hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “orderTemplate” trong response - Mục 2.12.1 Lấy danh sách hóa đơn; Mục 2.12.2 Lấy chi tiết hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “SaleChannel” trong response - Mục 2.6.1 Lấy danh sách khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số để lọc khách hàng theo ngày sinh nhật - Mục 2.4 Cập nhật hàng hóa thêm tham số mới: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “minQuantity” (định mức tồn nhỏ nhất) trong response • Thêm tham số “maxQuantity” (định mức tồn nhiều nhất) trong response <p>Thêm:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.15 Phiếu nhập hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Lấy danh sách phiếu nhập hàng • Lấy chi tiết phiếu nhập hàng - Mục 2.4.6 Thêm API lấy thông tin thuộc tính sản phẩm
25/07/2019	1.8	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.4.1 Lấy danh sách hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “productType” trong request. • Thêm tham số “includeMaterial” trong request. • Thêm tham số “productFormulas” trong response - Mục 2.4.2 Lấy chi tiết hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “productFormulas” trong response - Mục 2.5.3 Thêm mới đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “saleChannelId” trong request • Thêm tham số “saleChannelId” trong response - Mục 2.5.4 Cập nhật đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “saleChannelId” trong request • Thêm tham số “saleChannelId” trong response - Mục 2.12.3 Thêm mới hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “saleChannelId” trong request • Thêm tham số “saleChannelId” trong response - Mục 2.12.4 Cập nhật hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “saleChannelId” trong request • Thêm tham số “saleChannelId” trong response <p>Mục 2.15.1 Lấy danh sách nhập hàng, 2.15.2 Lấy chi tiết nhập hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “supplierCode” trong response <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.4.1 Lấy danh sách hàng hóa, 2.4.2 Lấy chi tiết hàng hóa: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “isLotSerialControl” trong response • Thêm tham số “IsBatchExpireControl” trong response • Thêm tham số “productSerials” trong response

		<ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “productBatchExpires” trong response <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.12.1 Lấy danh sách hóa đơn, 2.12.2 Lấy chi tiết hóa đơn, 2.15.1 Danh sách nhập hàng, 2.15.2 Chi tiết nhập hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “serialNumbers” trong response • Thêm tham số “productBatchExpire” trong response <p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.16 Bảng giá: <ul style="list-style-type: none"> • Lấy danh sách bảng giá • Lấy chi tiết bảng giá - Mục 2.17 Kênh bán hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Lấy danh sách kênh bán hàng - Mục 2.4.7 Thêm mới danh sách hàng hóa - Mục 2.4.8 Cập nhật danh sách hàng hóa - Mục 2.6.6 Thêm mới danh sách khách hàng - Mục 2.6.7 Cập nhật danh sách khách hàng - Mục 2.18 Trả hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm mục 2.18.1: Lấy danh sách phiếu trả hàng • Thêm mục 2.18.2: Lấy chi tiết phiếu trả hàng
21/09/2019	1.9	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.5.3 Thêm mới đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “ExpectedDelivery” trong Request - Mục 2.2.4 Cập nhật đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “ExpectedDelivery” trong Request - Mục 2.12.1 Lấy danh sách hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “FromPurchaseDate” và “ToPurchaseDate” trong Request - Mục 2.12.2 Lấy chi tiết hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “OrderCode” trong Response - Mục 2.12.3 Thêm mới hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “ExpectedDelivery” trong Request

		<ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.4.1 Lấy danh sách hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “MasterProductId” trong Request - Mục 2.12.4 Cập nhật hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “ExpectedDelivery” trong Request - Mục 2.5.3 Thêm mới đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “Note” trong Request - Mục 2.12.3 Thêm mới hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “Note” trong Request - Mục 2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “type” trong response - Mục 2.5.3. Thêm mới đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “partner” trong request header <p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.19 Đặt hàng nhập: <ul style="list-style-type: none"> • Lấy danh sách Đặt hàng nhập • Lấy chi tiết Đặt hàng nhập - Mục 2.2 Danh sách location: <ul style="list-style-type: none"> • Lấy danh sách location - Thêm mục 2.21 cung cấp các API cho thiết lập cửa hàng - Mục 2.6.3 Thêm mới khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số “type” trong response
30/10/2019	2.0	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.6.1 Lấy danh sách khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số và trả về thông tin Psid facebook fanpage của khách hàng - Mục 2.6.2 Lấy chi tiết khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Trả về thông tin Psid facebook fanpage của khách hàng

14/10/2020	2.1	Cập nhật lại URL : https://public.kiotapi.com/surchages
12/01/2021	2.1.1	Mục 2.5 và 2.6 sửa lại tên biến “comment” => “comments” cho đối tượng khách hàng
20/01/2021	2.1.2	Bổ sung thêm trường “barCode” trong API Lấy danh sách hàng hóa, lấy chi tiết hàng hóa, thêm mới/cập nhật hàng hóa.
04/06/2021	2.1.3	Bổ sung thêm : 2.15.3. Thêm mới nhập hàng 2.15.4. Cập nhật nhập hàng 2.15.5. Xóa nhập hàng

1. GIỚI THIỆU

KiotViet Public API được phát triển để hỗ trợ việc tích hợp và trao đổi dữ liệu giữa KiotViet và các nền tảng website, thương mại điện tử, CRM...

KiotViet Public API cung cấp cơ chế đọc và ghi các đối tượng sau:

- Nhóm hàng: lấy danh sách nhóm hàng hóa với các thông tin về tên nhóm hàng và quan hệ giữa các nhóm hàng **(2.3)**
- Hàng hóa: lấy thông tin sản phẩm, tạo mới, sửa, xóa sản phẩm, thuộc tính của sản phẩm **(2.4)**
- Đặt hàng: lấy thông tin đơn hàng, tạo đơn hàng, cập nhật và hủy đơn hàng **(0)**
- Hóa đơn: lấy thông tin hóa đơn, tạo hóa đơn, cập nhật và hủy hóa đơn **(2.12)**
- Khách hàng: lấy danh sách khách hàng và thao tác trên thông tin khách hàng **(2.6)**
- Phiếu nhập hàng: thông tin phiếu nhập **(2.15)**
- Các API phụ trợ
 - Danh sách chi nhánh **(0)**
 - Danh sách người dùng **(2.8)**
 - Danh sách tài khoản ngân hàng **(2.9)**
 - Danh sách thu khác **(2.10)**
 - Webhook **(2.11)**
 - Nhóm khách hàng **(2.13)**
 - Sổ quỹ **(2.14)**

Trong trường hợp không thể lấy được thông tin trên vui lòng liên hệ với bộ phận CSKH để được hỗ trợ.

Sau khi có được thông tin ClientId và Mã bảo mật (client_secret). Có thể sử dụng các thư viện theo từng ngôn ngữ để lấy thông tin Access Token, ví dụ:

+ Với C#: <https://www.nuget.org/packages/OAuth2Client/>

+ Với PHP: <https://github.com/thehp-league/oauth2-client>

Thông tin endpoint authenticate như sau:

- Authorization Endpoint: <http://id.kiotviet.vn/connect/authorize>
- Token Endpoint: <http://id.kiotviet.vn/connect/token>

Hoặc có thể call API bên dưới (2.2)

2.2. Lấy thông tin Access Token

Mục đích sử dụng: API lấy thông tin Access Token để truy cập

Phương thức và URL: POST <https://id.kiotviet.vn/connect/token>

Request:

scopes: PublicApi.Access //Phạm vi truy cập (Public API)

grant_type: client_credentials //Thông tin truy cập dạng token

client_id: 83a5bcbe-3c39-458c-bdd9-128112cef3f7 //Client Id

client_secret: 3B52F3A9DDE194966DAE2CE0A478B2DEC15254D6 //Client secret

Header

"Content-Type":"application/x-www-form-urlencoded"

scope

Body:

```
scopes=PublicApi.Access&grant_type=client_credentials&client_id=e4fe37ab-5d10-4919-bf59-d9a568456d0b&client_secret=01A3703244752CFF6350A801F900742179C7CCDA
```

Response:

```
{
  "access_token": "",
  "expires_in": 86400,
  "token_type": "Bearer"
}
```

2.3. Nhóm hàng

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin nhóm hàng hóa như sau:

2.3.1. Lấy danh sách nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Trả về toàn bộ danh mục hàng hóa (nhóm hàng hóa). Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái (a-z). Hệ thống chỉ cho phép nhóm hàng hóa có tối đa 3 cấp, và không cho phép xóa nhóm hàng cha nếu đang có chứa nhóm hàng con và không cho phép xóa nhóm hàng con nếu đang được sử dụng.

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/categories>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int, // lấy dữ liệu từ bản ghi hiện tại, nếu không nhập thì mặc định là 0

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

"hierachicalData": Boolean, // nếu HierachicalData=true thì mình sẽ lấy nhóm hàng theo cấp mà không quan tâm lastModifiedFrom. Ngược lại, HierachicalData=false thì sẽ lấy 1 list nhóm hàng theo lastModifiedFrom nhưng không có phân cấp

Response:

❖ Nếu *hierachicalData* là *true*

```
"total": int,
"pageSize": int,
"data": [
  {
    "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
    "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha thì có id cụ thể,
    nếu không có danh mục cha, ParentId=null
    "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": boolean?, // nhóm hàng có con hay không
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime
    "children": []
  }],
  "removedIds": int [], // danh sách ID nhóm hàng bị xóa dựa trên Modified
  Date
  "timestamp": datetime
}
```

❖ Nếu *hierachicalData* là *false*

```
"total": int,
```

```
"pageSize": int,
"data": [
  {
    "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
    "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha thì có id cụ thể,
    nếu không có danh mục cha, ParentId=null
    "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": boolean?, // nhóm hàng có con hay không
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime
  }],
"removedIds": int [], // danh sách ID nhóm hàng bị xóa dựa trên Modified
Date
"timestamp": datetime
}
```

2.3.2. Lấy chi tiết nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại thông tin chi tiết của nhóm hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/categories/{id}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của nhóm hàng

Response:

```
"data": {
  "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
  "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha
  "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
}
```

```
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": int?, // Id của hàng
    "modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime,
    "children": []
}
```

2.3.3. Thêm mới nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Thêm mới một nhóm hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/categories>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object nhóm hàng riêng biệt với những tham số sau:

"categoryName": string // tên nhóm hàng hóa

"parentId": int // nếu nhóm hàng có nhóm hàng cha (hệ thống cho phép tối đa 3 cấp nhóm)

Body

```
{
    "categoryName": string
}
```

Response:

```
{
    "message": "Cập nhật dữ liệu thành công",
    "data": {
        "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa
        "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha
        "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa (tối đa 125 ký tự)
    }
}
```

```
"retailerId": int, // Id của hàng

"hasChild": boolean?, // Có danh mục con

"modifiedDate": datetime?,

"createdDate": datetime,

"children": []

}

}
```

2.3.4. Cập nhật nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật nhóm hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/categories/id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID nhóm hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID nhóm hàng hóa

Body

```
{

    "parentId": int, // Nếu danh mục có danh mục cha

    "categoryName": string // Tên nhóm hàng hóa (tối đa 125 ký tự)

}
```

Response:

```
{

    "message": "Cập nhật dữ liệu thành công",

    "data": {

        "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa

        "parentId": int, // Nếu danh mục có danh mục cha

        "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa (tối đa 125 ký tự)

    }

}
```

```
"retailerId": int, // Id của hàng
"hasChild": false, // Có danh mục con
"modifiedDate": datetime,
"createdDate": datetime,
"children": []
}
}
```

2.3.5. Xóa nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Xóa nhóm hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/categories/{id}>

Request: Request sẽ bao gồm Id của nhóm hàng trong URL:

“id”: long // ID của nhóm hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.4. Hàng hóa

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin hàng hóa như sau:

2.4.1. Lấy danh sách hàng hóa

Mục đích sử dụng: Trả về toàn bộ hàng hóa theo cửa hàng đã được xác nhận (authenticated retailer)

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/products>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“orderBy”: string, optional //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (ví dụ: orderBy=Name)

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int, // lấy dữ liệu từ bản ghi currentItem

“includeInventory”: Boolean, // có lấy thông tin tồn kho?

“includePricebook”: Boolean, // có lấy thông tin bảng giá?

“IncludeSerials”: Boolean, // lấy thông tin serial imei

“IncludeBatchExpires”: Boolean, // lấy thông tin lô, hạn sử dụng

“masterUnitId”: long?, //Id hàng hoá đơn vị cần filter

“masterProductId”: long?, //Id hàng hoá cùng loại cần filter

“categoryId”: int?, //Id nhóm hàng cần filter

“orderDirection”: string, optional

Nếu có "OrderDirection", chọn sắp xếp kết quả về theo:

- ASC (Mặc định)
- DESC

“includeRemoves”: Boolean //Có lấy thông tin danh sách Id bị xoá dựa trên lastModifiedFrom,

“productType”: int? (optional) //Loại hàng hóa

Nếu có "productType", giá trị thuộc :

- 1 : hàng combo
- 3: hàng hóa dịch vụ
- 2: các hàng hóa còn lại

“includeMaterial”: Boolean //Có lấy thông tin danh sách hàng thành phần hay không

Response:

```
"removeId": int [], // Danh sách Id hàng hóa bị xóa dựa trên ModifiedDate
"total": int, // Tổng số hàng hóa
"pageSize": int,
"data": [{
    "id": long, // ID hàng hóa
    "code": string, // Code hàng hóa
    "barCode": string, //Mã vạch hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
    "name": string, // Tên sản phẩm
    "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa
```

```
    "categoryName": string, // Tên của nhóm hàng hóa
    "fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính
    "description": string, // Mô tả sản phẩm
    "hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
    "attributes": [
        {
            "productId": long, // Id sản phẩm
            "attributeName": string, // tên thuộc tính
            "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
        }
    ], // danh sách thuộc tính
    "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm,
    "masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản (null)
    "masterProductId": long?,
    "conversionValue": double?, // Đơn vị quy đổi
    "units": [
```

```
    "id": long, // ID sản phẩm
    "code": string, // Mã sản phẩm
    "name": string, // Tên sản phẩm
    "fullName": string, // Tên sản phẩm
    "unit": string, // Đơn vị tính
    "conversionValue": double, // Đơn vị quy đổi
    "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm
  }], // danh sách đơn vị tính
  "images": [{"Image": string, // ảnh sản phẩm}],
  // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
  "inventories":
  [{
    "productId": long, // Id của sản phẩm
    "productCode": string, // Mã của sản phẩm
    "productName": string, // Tên của sản phẩm
    "branchId": int, // Id của chi nhánh
    "branchName": string, // Tên của chi nhánh
    "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
    "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
    "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
  }], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
  "priceBooks": // bảng giá (mặc định là bảng giá chung)
  [{
    "priceBookId": long, // ID bảng giá
    "priceBookName": string, // Tên bảng giá
    "productId": long, // ID sản phẩm
    "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?
```



```
"startDate": datetime?, // có hiệu lực từ ngày
"endDate": datetime?, // có hiệu lực đến ngày
"price": decimal, // Giá bán theo bảng giá
}]// danh sách các bảng giá mà sản phẩm đang được gán,
"productFormulas": // danh sách hàng thành phần (nếu có)
[
{
  "materialId": long, // ID hàng thành phần
  "materialCode": string, // Code hàng thành phần
  "materialFullName": string// tên đầy đủ hàng thành phần
  "materialName": string, // tên hàng thành phần
  "quantity": int, // số lượng
  "basePrice": decimal // giá ,
  "productId": long?, // mã hàng combo chứa sản phẩm này
  "product": // chi tiết sản phẩm
  {
    "createdDate": datetime?, // ngày tạo
    "id": long, // ID sản phẩm của thành phần,
    "retailerId": long, // Id của hàng,
    "code": string , // code sản phẩm của thành phần,
    "name": string?, // tên hàng thành phần,
    "fullName": datetime?, // tên đầy đủ hàng thành phần,
    "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa,
    "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không,
    "hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không,
    "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm,
    "unit": string, // Đơn vị tính,
    "conversionValue": double?, // Đơn vị quy đổi,
```

```
"modifiedDate": datetime?, // ngày sửa,
"isActive": Boolean, // Có được sử dụng?,
"isRewardPoint": bool?, // có tích điểm hay không,
"orderTemplate": string, //Mẫu ghi chú (hóa đơn đặt hàng),
"isLotSerialControl": bool?,//Có phải imei hay không
"isBatchExpireControl": bool?,//Có phải Hàng lô/ date hay không
"productSerials": [ // Danh sách Imei
{
    "productId": long, //Id sản phẩm
    "serialNumber": string, //số serial Imei
    "status": int, // 1: còn hàng, 0: hết hàng
    "branchId": int, // id chi nhánh
    "quantity": double?, //Số lượng: 1
    "createdDate": datetime, //ngày tạo
    "modifiedDate": datetime?, //ngày sửa
}
],
"productBatchExpires": [ // Danh sách lô
{
    "productId": long, //Id sản phẩm
    "onHand": double, //Tồn kho của lô
    "batchName": string, //Tên lô
    "expireDate": datetime, //ngày hết hạn lô
    "fullNameVirgule": string, //Tên đầy đủ của lô
    "status": int, // 0: Lô tạm, 1: lô hoàn thành
    "branchId": int, // id chi nhánh
}
]
}
}],
"basePrice": decimal?, // giá sản phẩm
"weight": double?, // trọng lượng sản phẩm
"modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
```

```
"createdDate": datetime, // thời gian tạo,  
"orderTemplate": string //Mẫu ghi chú (hóa đơn đặt hàng),  
"minQuantity" : int //Định mức tồn nhỏ nhất  
"maxQuantity" : int //Định mức tồn nhiều nhất  
}],
```

2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa

Mục đích sử dụng: Trả lại chi tiết của một sản phẩm cụ thể theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/products/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/products/code{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của hàng hóa

"code": string // Mã của hàng hóa

Response:

```
{  
  
  "id": long, // ID hàng hóa  
  "code": string, // Code hàng hóa  
  "barCode": string, // Mã vạch hàng hóa  
  "retailerId": int, // Id của hàng  
  "allowsSale": Boolean?, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không  
  "name": string, // Tên sản phẩm  
  "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa  
  "type": byte?, // Loại hàng hóa  
  "categoryName": string, // Tên của nhóm hàng hóa
```

```

"fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính?
"description": string, // Mô tả sản phẩm
"hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
"attributes": [
    {
        "productId": long, // Id thuộc tính

```

```

        "attributeName": string, // tên thuộc tính
        "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
    }], // danh sách thuộc tính
"unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm,
"masterProductId": long?,
"masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản (null)
"conversionValue": double?, // Đơn vị quy đổi
"units": [
    {
        "id": long, // ID sản phẩm
        "code": string, // Mã sản phẩm ,
        "name": string, //Tên sản phẩm
        "fullName": string, //Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc
tính
        "unit": string, // Đơn vị tính
        "conversionValue": double, // Đơn vị quy đổi
        "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm
    }], // danh sách đơn vị tính
"images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
"inventories":
    [{

```

```
"productId": long, // Id của sản phẩm
"productCode": string, // Mã của sản phẩm
"productName": string, // Tên của sản phẩm
"branchId": long, // Id của chi nhánh
"branchName": long, // Tên của chi nhánh
"onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
"cost": decimal?, // Giá sản phẩm
"reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
}], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
"priceBooks": // bảng giá (mặc định là bảng giá chung)
[
  {
    "priceBookId": long, // ID bảng giá
```

```
    "priceBookName": string, // Tên bảng giá
    "productId": long // ID sản phẩm
    "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?
    "startDate": datetime?, // có hiệu lực từ ngày
    "endDate": datetime?, // có hiệu lực đến ngày
    "price": decimal, // Giá bán theo bảng giá
  } // danh sách các bảng giá mà sản phẩm đang được gán,
"productFormulas": // danh sách hàng thành phần (nếu có)
[
  {
    "materialId": long, // ID hàng thành phần
    "materialCode": string, // Code hàng thành phần
    "materialFullName": string // tên đầy đủ hàng thành phần
    "materialName": string, // tên hàng thành phần
    "quantity": int, // số lượng
    "basePrice": decimal // giá ,
```

```
    "productId": long?, // mã hàng combo chứa sản phẩm này
    "product": // chi tiết sản phẩm
    {
        "createdDate": datetime?, // ngày tạo
        "id": long, // ID sản phẩm của thành phần,
        "retailerId": long, // Id của hàng,
        "code": string , // code sản phẩm của thành phần,
        "name": string?, // tên hàng thành phần,
        "fullName": datetime?, // tên đầy đủ hàng thành phần,
        "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa,
        "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không,
        "hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không,
        "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm,
        "unit": string, // Đơn vị tính,
        "conversionValue": double?, // Đơn vị quy đổi,
        "modifiedDate": datetime?, // ngày sửa,
        "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?,
        "isRewardPoint": bool?, // có tích điểm hay không,
        "orderTemplate": string //Mẫu ghi chú (hóa đơn đặt hàng)
    }
}],
    "basePrice": decimal, // giá sản phẩm
    "weight": double, // trọng lượng sản phẩm
    "modifiedDate": datetime, // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime, // thời gian tạo
    "isLotSerialControl": bool?,//Có phải imei hay không
    "isBatchExpireControl": bool?,//Có phải Hàng lô/ date hay không
```

```

    "productSerials": [ // Danh sách Imei
        {
            "productId": long, //Id sản phẩm
            "serialNumber": string, //số serial Imei
            "status": int, // 1: còn hàng, 0: hết hàng
            "branchId": int, // id chi nhánh
            "quantity": double?, //Số lượng: 1
            "createdDate": datetime, //ngày tạo
            "modifiedDate": datetime?, //ngày sửa
        }
    ],
    "productBatchExpires": [ // Danh sách lô
        {
            "productId": long, //Id sản phẩm
            "onHand": double, //Tồn kho của lô
            "batchName": string, //Tên lô
            "expireDate": datetime, //ngày hết hạn lô
            "fullNameVirgule": string, //Tên đầy đủ của lô
            "status": int, // 0: Lô tạm, 1: lô hoàn thành
            "branchId": int, // id chi nhánh
        }
    ]
}

```

2.4.3. Thêm mới hàng hóa

Mục đích sử dụng: Tạo mới hàng hóa

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/products>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object hàng hóa:

```

{
    "name": string, // Tên hàng hóa
    "code": string, // Mã hàng hóa
    "barCode": string, (Tối đa 16 ký tự) // Mã vạch hàng hóa
}

```

```
"fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính?
"categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa
"allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
"description": string, // Mô tả sản phẩm,
"hasVariants": boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
"attributes": [{
    "attributeName": string, // tên thuộc tính (Nếu tên thuộc tính
    chưa tồn tại trong hệ thống thì tự động tạo mới thuộc tính)
    "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
}], // danh sách thuộc tính
"unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm
"masterProductId": long?, //Id hàng hoá cùng loại
"masterUnitId": long?, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản = NULL
    Neu la don vi co ban
"conversionValue": double,
"inventories":
[
    {
        "branchId": long, // Id của chi nhánh
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }
], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
"basePrice": decimal?, // giá sản phẩm
"weight": double?, // trọng lượng sản phẩm,
"images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
    + Image: link ảnh của hàng hóa
```



```
}
```

Response:

```
{
  "id": int, // ID hàng hóa
  "code": string, // Mã hàng hóa
  "barCode": string, // Mã vạch hàng hóa
  "name": string, // Tên hàng hóa
  "fullName": string, //
  "description": string, // Tên hàng hóa
  "images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
                      + Image: link ảnh của hàng hóa
  "categoryId": int,
  "categoryName": string,
  "unit": string,
  "masterProductId": long?,
  "masterUnitId": long,
  "conversionValue": double?,
  "hasVariants": Boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
  "attributes": [{
    "productId": long, // Id thuộc tính
    "attributeName": string, // tên thuộc tính
    "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
  }] // danh sách thuộc tính

  "basePrice": decimal, // Giá bán
  "inventories": [
```

```
{
    "productId": long, // Id của sản phẩm
    "productCode": string, // Mã của sản phẩm
    "productName": string, // Tên của sản phẩm
    "branchId": long, // Id của chi nhánh
    "branchName": long, // Tên của chi nhánh
    "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
    "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
    "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
}

"basePrice": decimal, // Giá bán theo bảng giá
"retailerId": int, // Id của hàng
"modifiedDate": datetime, // Thời gian cập nhật
}
```

2.4.4. Cập nhật hàng hóa

Mục đích sử dụng: Cập nhật hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/products/id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID hàng hóa qua 1 object JSON.

"branchId": int, //Id chi nhánh hiện tại

"id": long // ID hàng hóa

Body

```
{
    "name": string, // Tên hàng hóa
    "code": string, // Mã hàng hóa
    "barCode": string, {Tối đa 16 ký tự} //Mã vạch hàng hóa
}
```

```
"categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa
"allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
"description": string, // Mô tả sản phẩm,
"hasVariants": boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
"attributes": [
    {
        "attributeName": string, // tên thuộc tính (Nếu tên thuộc tính
        // chưa tồn tại trong hệ thống thì tự động tạo mới thuộc tính)
        "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
    }, // danh sách thuộc tính
"unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm
"masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản = NULL
// Neu la don vi co ban
"conversionValue": double, //
"inventories":
[
    {
        "branchId": long, // Id của chi nhánh
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }, // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
"basePrice": decimal, // giá sản phẩm
"weight": double, // trọng lượng sản phẩm,
"isActive": bool?, // true : đang hoạt động, false : ngừng hoạt động
"isRewardPoint": bool?, // có tích điểm hay không
}
```

Response:

```
{  
    "id": int, // ID hàng hóa  
    "code": string, // Mã hàng hóa  
    "barCode": string, //Mã vạch hàng hóa  
    "name": string, // Tên hàng hóa  
    "fullName": string, //  
    "description": string, // Tên hàng hóa  
    "images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa  
                        + Image: link ảnh của hàng hóa  
    "categoryId": int,  
    "categoryName": string,  
    "unit": string,  
    "masterUnitId": long,  
    "conversionValue": double,  
    "hasVariants": Boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không  
    "attributes": [  
        {"attributeName": string, // tên thuộc tính  
         "attributeValue": string // giá trị thuộc tính  
        }]  
    ] // danh sách thuộc tính  
  
    "basePrice": decimal, // Giá bán  
    "inventory": [  
    {  
        "productId": long, // Id của sản phẩm  
        "productCode": string, // Mã của sản phẩm  
        "productName": string, // Tên của sản phẩm  
        "branchId": long, // Id của chi nhánh
```

```
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }]

    "basePrice": decimal, // Giá bán theo bảng giá
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "modifiedDate": datetime, // Thời gian cập nhật
}
```

2.4.5. Xóa hàng hóa

Mục đích sử dụng: Xóa hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/products/{id}>

Request: Gồm Id của hàng hóa trong URL:

```
"id": long // ID của hàng hóa
```

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.4.6. Lấy thông tin thuộc tính sản phẩm

Mục đích sử dụng: lấy toàn bộ thông tin thuộc tính của tất cả các sản phẩm

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/attributes/allwithdistinctvalue>

Response:

```
[ {
```

```
"name": string, //tên thuộc tính
"id": long, //id của thuộc tính
"attributeValues":[
    {
        "value": string, //giá trị của thuộc tính
        "attributeId" long, // id của thuộc tính
    },
    {
        "value": string, //giá trị của thuộc tính
        "attributeId" long, // id của thuộc tính
    },
    ...
]
}]
```

2.4.7 Thêm mới danh sách hàng hóa

Mục đích sử dụng: Tạo mới danh sách hàng hóa

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/listaddproducts>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 danh sách object hàng hóa riêng biệt với nhưng tham số sau:

```
{ "listProducts": [{
    "name": string, // Tên hàng hóa
    "code": string, // Mã hàng hóa
    "fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính?
    "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa
    "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
    "description": string, // Mô tả sản phẩm,
    "hasVariants": boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
    "attributes": [{
```

```
    "attributeName": string, // tên thuộc tính (Nếu tên thuộc tính
chưa tồn tại trong hệ thống thì tự động tạo mới thuộc tính)
```

```
    "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
    }, // danh sách thuộc tính
    "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm
    "masterProductId": long?, //Id hàng hoá cùng loại
    "masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản = NULL
                        Neu la don vi co ban
    "conversionValue": double,
    "branchId": int?, //Id chi nhánh hiện tại
    "inventories":
    [{
        "branchId": long, // Id của chi nhánh
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
    "basePrice": decimal, // giá sản phẩm
    "weight": double, // trọng lượng sản phẩm,
    "images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
                        + Image: link ảnh của hàng hóa
    }
```

Response:

```
{ "message": "Thêm mới danh sách sản phẩm thành công" }
```

2.4.8 Cập nhật danh sách hàng hóa

Mục đích sử dụng: Cập nhật danh sách hàng hóa

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/listupdatedproducts>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 danh sách object hàng hóa riêng biệt với nhưng tham số sau:

```
{ "listProducts": [//danh sách hàng hóa
    {
        "id": long, // Id của hàng hóa
        "name": string, // Tên hàng hóa
        "code": string, // Mã hàng hóa
        "fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính?
        "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa
        "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
        "description": string, // Mô tả sản phẩm,
        "hasVariants": boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không

        "attributes": [{
            "attributeName": string, // tên thuộc tính (Nếu tên thuộc tính
            // chưa tồn tại trong hệ thống thì tự động tạo mới thuộc tính)

            "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
        }], // danh sách thuộc tính

        "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm
        "masterProductId": long?, //Id hàng hoá cùng loại
        "masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản = NULL
        // Neu la don vi co ban

        "conversionValue": double,
        "branchId": int?, //Id chi nhánh hiện tại
        "inventories":
        [{
            "branchId": long, // Id của chi nhánh
            "branchName": long, // Tên của chi nhánh
            "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
            "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
            "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
        }]
```



```
    }], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
    "basePrice": decimal, // giá sản phẩm
    "weight": double, // trọng lượng sản phẩm,
    "images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
                        + Image: link ảnh của hàng hóa

    }, ...
]
}
```

Response:

```
{ "message": "Cập nhật danh sách sản phẩm thành công" }
```

2.5. Đặt hàng

Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng đặt hàng như sau:

- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Cho phép đặt hàng”, các giao dịch liên quan tới đặt hàng sẽ không hiển thị trên Kiotviet nữa. Vì vậy, khi gọi các API liên quan tới phần đặt hàng, nếu thiết lập này đang tắt thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Cho phép đặt hàng” đang không được bật.”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Sử dụng tính năng giao hàng”, các giao dịch sẽ không hiển thị tính năng giao hàng nữa. Vì vậy, khi gọi các API liên quan tới phần giao hàng, nếu thiết lập này đang tắt thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Sử dụng tính năng giao hàng.” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng”, khi Post/ Put các API liên quan đến thời gian bán hàng thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng” đang không được bật.”.

Mô tả chi tiết cho các API hỗ trợ Đặt hàng như sau:

2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách đặt hàng theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/orders>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“branchIds”: int[], optional // ID chi nhánh

“customerIds”: long[], optional // Id khách hàng

“customerCode”: string //Mã khách hàng

“status”: int[], optional // Tình trạng đặt hàng

“includePayment”: Boolean, // có lấy thông tin thanh toán

“includeOrderDelivery”: Boolean,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“toDate”: datetime? //Thời gian cập nhật cho đến thời điểm toDate

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

“createdDate”: datetime? //Thời gian tạo

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [{
```

```
"id": long //Id đặt hàng
"code": string //Mã đặt hàng
"purchaseDate": datetime // Ngày đặt hàng
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"soldById": long?,
"soldByName": string
"customerId": long?, // Id khách hàng
"customerCode": string, //Mã khách hàng
"customerName": string, // Tên khách hàng
"total": decimal, // Khách cần trả
"totalPayment": decimal, //Khách đã trả
"discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %
"discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền
"status": int, // trạng thái đơn đặt hàng
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"description": string, // ghi chú
"usingCod": boolean,
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
```

```
    }],  
    "orderDetails" :{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
        "productCode": string,  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
        "price": decimal, //Giá trị  
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm  
theo %  
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo  
tiền  
        "note": string // Ghi chú hàng hóa  
    },  
    "orderDelivery":{  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,  
        "partnerDeliveryId": long?,
```

```
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    }

    "retailerId": int, // Id của hàng

    "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật

    "createdDate": datetime // thời gian tạo

    }]
}
```

2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của đơn đặt hàng theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/orders/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/orders/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của đơn đặt hàng

"code": code // Mã của đơn đặt hàng

Response:

```
{

    "id": long //Id đặt hàng
```

```
"code": string //Mã đặt hàng
"purchaseDate": datetime // Ngày đặt hàng
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"soldById": long?,
"soldByName": string
"customerId": long?, // Id khách hàng
"customerName": string, // Tên khách hàng
"total": decimal, // Khách cần trả
"totalPayment": decimal, //Khách đã trả

"discountRatio": double, // Giảm giá trên đơn theo %
"discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền
"status": int, // trạng thái đơn đặt hàng
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"description": string, // ghi chú
"usingCod": boolean,
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string,
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
```

```
    }],  
    "orderDetails" :{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
        "productCode": string,  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
  
        "price": decimal, //Giá trị  
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm  
theo %  
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo  
tiền  
        "note": string // Ghi chú hàng hóa  
    },  
    "orderDelivery":{  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,
```

```
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        },
        "invoiceOrderSurcharges": [
            {
                "id": long,
                "invoiceId": long?,
                "surchargeId": long?,
                "surchargeName": string,
                "surValue": decimal?,
                "price": decimal?,
                "createdDate": DateTime
            }
        ],
        "retailerId": int, // Id của hàng
        "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
        "createdDate": datetime //thời gian tạo
    }
```

2.5.3. Thêm mới đặt hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới đơn đặt hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/orders>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object đặt hàng:

Chú ý: Khi thêm mới đơn đặt hàng từ **MyKiot** hoặc **KV Sync** sẽ thêm param **Partner** vào header:

- Từ MyKiot :
 - Partner : MyKiot
- Từ KV Sync :
 - Partner : KVSynC

```
{
  "purchaseDate": datetime,
  "branchId": int,
  "soldById": long?,
  "cashierId": long, Id nhân viên thu ngân,
  "discount": decimal,
  "description": string,
  "method": string,
  "totalPayment": decimal, //khách đã trả
  "accountId": int?, //Id account tài khoản ngân hàng nếu phương thức thanh
toán là TRANSFER, CARD,
  "makeInvoice": bool, // Tạo hóa đơn từ đơn đặt hàng, tạo phiếu thu cho
hóa đơn đó với thời điểm hiện tại ,
  "saleChannelId": int?,optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền mặc
định kênh khác
  "orderDetails": [{
    "productId": long,
    "productCode": string,
    "productName": string,
    "quantity": double,
```

```
        "price": decimal,  
        "discount": decimal?,  
        "discountRatio": double?,  
        "note": string  
    }},  
    "orderDelivery": {  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "weight": double,  
        "length": double,  
        "width": double,  
        "height": double,  
        "partnerDeliveryId": long?,  
        "expectedDelivery": datetime,  
        "partnerDelivery": {  
            "code": string,  
            "name": string,  
            "address": string,  
            "contactNumber": string,  
            "email": string  
        }  
    }
```

```
    },
    "customer" : {
        "id": long,
        "code": string,
        "name": string,
        "gender": boolean,
        "birthDate": datetime,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "email": string,
        "comments": string
    },
    "surchages": [{
        "id": int,
        "code": string,
        "price": decimal,
    }]
}
```

Response:

```
{
    "id": long,
    "code": string,
    "purchaseDate": datetime,
    "branchId": int,
    "branchName": string,
    "soldById": long?,
}
```

```
"soldByName": string,

"customerId": long?,

"customerName": string,

"total": decimal, // Khách cần trả

"totalPayment": decimal, //Khách đã trả

"discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %

"discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền

"method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)

"status": int, // trạng thái đơn đặt hàng

"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ

"description": string, // ghi chú

"usingCod": boolean,

"saleChannelId" : int?, optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền
mặc định kênh khác

"orderDetails" :{

    "productId": long, // Id hàng hóa

    "productName": string, //Tên hàng hóa

                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)

    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa

    "price": decimal, //Giá trị

    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %

    "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền

    "note": string // Ghi chú hàng hóa

},

"orderDelivery":{

    "deliveryCode": string,
```

```
    "type": byte?,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
    "weight": double?,
    "length": double?,
    "width": double?,
    "height": double?,
    "partnerDeliveryId": long?,
    "partnerDelivery": {
        "code": string,
        "name": string,
        "address": string,
        "contactNumber": string,
        "email": string
    }
}

"payments" : [{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string,
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
```

```

        "transDate": datetime,
        "bankAccount": string,
        "accountId": int?
    }},
    "invoiceOrderSurcharges": [
        {
            "id": long,
            "invoiceId": long?,
            "surchargeId": long?,
            "surchargeName": string,
            "surValue": decimal?,
            "price": decimal?,
            "createdDate": DateTime
        }
    ]
}

```

2.5.4. Cập nhật đặt hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật đơn đặt hàng theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/orders/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID đơn đặt hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID đơn đặt hàng

Body

```

{
    "purchaseDate": datetime,
    "branchId": int,
    "soldById": long?,
    "cashierId": long?, Id nhân viên thu ngân
}

```

```
"discount": decimal,

"description": string,

"method": string,

"totalPayment": decimal, //Khách đã trả,

"accountId": int?, //Id account tài khoản ngân hàng nếu phương thức thanh
toán là TRANSFER, CARD,

"makeInvoice": bool, // Tạo hóa đơn từ đơn đặt hàng, tạo phiếu thu cho hóa
đơn đó với thời điểm hiện tại,

"saleChannelId": int?, optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền mặc
định kênh khác

"orderDetails": [{

    "productId": long,

    "productCode": string,

    "productName": string,

    "quantity": double,

    "price": decimal,

    "discount": decimal?,

    "discountRatio": double?

}]

"orderDelivery":{

    "deliveryCode": string,

    "type": byte?,

    "price": Decimal?,

    "receiver": string,

    "contactNumber": string,

    "address": string,

    "locationId": int?,

    "locationName": string,
```

```
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "expectedDelivery": datetime,
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    },
    "customer" : {
        "id": long,
        "code": string,
        "name": string,
        "gender": boolean,
        "birthDate": datetime,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "email": string,
        "comments": string
    },
    "surcharges": [{
        "id": int,
```



```
        "code": string,  
        "price": decimal,  
    }]  
  
}
```

Response:

```
{  
    "id": long,  
    "code": string,  
    "purchaseDate": datetime,  
    "branchId": int,  
    "branchName": string,  
    "soldById": long?,  
    "soldByName": string,  
    "customerId": long,  
    "customerName": string,  
    "total": decimal, // Khách cần trả  
    "totalPayment": decimal, //Khách đã trả  
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %  
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền  
    "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)  
    "status": int, // trạng thái đơn đặt hàng  
    "statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ  
    "description": string, // ghi chú  
    "usingCod": boolean,  
    "saleChannelId": int?, optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền  
    mặc định kênh khác
```

```
    "orderDetails" :{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
        "price": decimal, //Giá trị  
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm  
theo %  
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo  
tiền  
    },  
    "orderDelivery":{  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,  
        "partnerDeliveryId": long?,  
        "partnerDelivery":{  
            "code": string,  
            "name": string,
```

```
        "address": string,
        "contactNumber": string,
        "email": string
    }
},
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
}],
"invoiceOrderSurcharges": [
    {
        "id": long,
        "invoiceId": long?,
        "surchargeId": long?,
        "surchargeName": string,
        "surValue": decimal?,
        "price": decimal?,
        "createdDate": DateTime
    }
],
}
```

2.5.5. Xóa đặt hàng

Mục đích sử dụng: Xóa đơn đặt hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/orders/{id} ?IsVoidPayment=true>

Request: Gồm Id của đơn đặt hàng trong URL:

“id”: long // ID của đơn đặt hàng

“IsVoidPayment”: bool // Hủy phiếu thanh toán, nếu không truyền tham số này thì mặc định không hủy phiếu thanh toán gắn kèm đặt hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
  "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.6. Khách hàng

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin hàng hóa như sau:

2.6.1. Lấy danh sách khách hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách khách hàng theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/customers>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“code”: string, optional // nếu có mã code, cho phép tìm kiếm khách hàng theo mã KH

“name”: string, optional // tìm kiếm theo tên khách hàng

“contactNumber”: string, optional // tìm kiếm theo số điện thoại khách hàng

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int?,

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

"includeRemovelds": boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom

"includeTotal": boolean, //Có lấy thông tin TotalInvoice, TotalPoint, TotalRevenue

"includeCustomerGroup": boolean, //Có lấy thông tin nhóm khách hàng hay không

"birthDate": string //filter khách hàng theo ngày sinh nhật

"groupId": int, //filter theo nhóm khách hàng

"includeCustomerSocial": boolean, // Có lấy thông tin Psid facebook fanpage của khách hàng hay không

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": long, // ID khách hàng
      "code": string, // Mã khách hàng
      "name": string, // Tên khách hàng
      "gender": Boolean?, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
      "birthDate": date?, // Ngày sinh khách hàng
      "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
      "address": string, // Địa chỉ khách hàng
      "locationName": string, // Khu vực
      "email": string, // Email của khách hàng
      "organization": string, // Công ty
    }
  ]
}
```

```
"comments": string, // Ghi chú
"taxCode": string, // Mã số thuế
"debt": decimal, // Nợ hiện tại
"totalInvoiced": decimal?, // Tổng bán
"totalPoint": double?, // Tổng điểm
"totalRevenue": decimal?,
"retailerId": int, // Id cửa hàng
"modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
"createdDate": datetime,
"rewardPoint": long?// Điểm hiện tại
"psidFacebook": long?// Psid facebook fanpage
}],
"removeId": int [] // danh sách Id khách hàng bị xóa dựa trên ModifiedDate
}
```

2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại thông tin chi tiết của khách hàng theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/customers/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/customers/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của khách hàng

"code": string // Mã của khách hàng

Response:

```
{
  "id": long, // ID khách hàng
```

```
"code": string, // Mã khách hàng
"name": string, // Tên khách hàng
"gender": Boolean?, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
"birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
"contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
"address": string, // Địa chỉ khách hàng
"locationName": string, // Khu vực
"email": string, // Email của khách hàng
"organization": string, // Công ty
"comments": string, // Ghi chú
"taxCode": string, // Mã số thuế
"retailerId": int, // Id cửa hàng
"debt": decimal, // Nợ hiện tại
"totalInvoiced": decimal?, // Tổng bán
"totalPoint": double?, // Tổng điểm
"totalRevenue": decimal?,
"modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
"createdDate": datetime
"groups": string // danh sách tên nhóm khách hàng,
"rewardPoint": long?// Điểm hiện tại
"psidFacebook": long?// Psid facebook fanpage
}
```

2.6.3. Thêm mới khách hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới khách hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/customers>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object khách hàng:

```
{  
  
    "code": string, // Mã khách hàng  
  
    "name": string, // Tên khách hàng  
  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)  
  
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng  
  
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng  
  
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng  
  
    "email": string, // Email của khách hàng  
  
    "comments": string, // Ghi chú  
  
    "groupIds": int[] // Danh sách Id nhóm khách hàng  
  
}
```

Response:

```
{  
  
    "id": long, // ID khách hàng (với id=-1 là bản ghi đầu tiên chứa  
thông tin tổng quan)  
  
    "code": string, // Mã khách hàng  
  
    "name": string, // Tên khách hàng  
  
    "type": int, // Loại khách hàng ( 0 : Cá nhân, 1 : Công ty )  
  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)  
  
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng  
  
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng  
  
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng  
  
    "locationName": string, // Khu vực  
  
    "email": string, // Email của khách hàng  
  
    "organization": string, // Tên công ty của khách hàng (nếu là khách  
hàng công ty)  
  
    "comments": string, // Ghi chú
```



```
"taxCode": string, // Mã số thuế
"retailerId": int, // Id của hàng
"modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật
"createdDate": datetime
"customerGroupDetails": [
    {
        "id": long // Id Chi tiết nhóm khách hàng
        "customerId": long // Id khách hàng
        "groupId": int // Id nhóm khách hàng
    }
],
}
```

2.6.4. Cập nhật khách hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật thông tin khách hàng theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/customers/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID khách hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID khách hàng

Body

```
{
    "code": string, // Mã khách hàng
    "name": string, // Tên khách hàng
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng
    "email": string, // Email của khách hàng
}
```

```
"comments": string, // Ghi chú

"groupIds": int[] // Danh sách Id nhóm khách hàng

"taxCode": string // Mã số thuế

}
```

Response:

```
{

    "id": long, // ID khách hàng (với id=-1 là bản ghi đầu tiên chứa
thông tin tổng quan)

    "code": string, // Mã khách hàng

    "name": string, // Tên khách hàng

    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)

    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng

    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng

    "address": string, // Địa chỉ khách hàng

    "locationName": string, // Khu vực

    "email": string, // Email của khách hàng

    "organization": string, // Tên công ty của khách hàng (nếu là khách
hàng công ty)

    "comments": string, // Ghi chú

    "taxCode": string, // Mã số thuế

    "retailerId": int, // Id của hàng

    "modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật

    "createdDate": datetime,

    "groups": string, // danh sách tên nhóm

}
```

2.6.5. Xóa khách hàng

Mục đích sử dụng: Xóa khách hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/customers/{id}>

Request: Gồm Id của khách hàng trong URL:

“id”: long // ID của khách hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
  "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.6.6 Thêm mới danh sách khách hàng

Mục đích sử dụng: Thêm mới danh sách khách hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/listaddcutomers>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 danh sách object khách hàng riêng biệt với những tham số sau:

```
{ "listCustomers":[
  {
    "code": string, // Ma khách hàng
    "name": string, // Tên khách hàng
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng
    "email": string, // Email của khách hàng
    "comments": string, // Ghi chú
  },
  ...]
}
```

Response:

```
{
  "message": "Thêm mới danh sách khách hàng thành công"
}
```

2.6.7 Cập nhật danh sách khách hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật danh sách khách hàng

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/listupdatecustomers>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 danh sách object khách hàng riêng biệt với những tham số sau:

```
{ "listCustomers":[ // danh sách khách hàng
  {
    "id": long, //Id khách hàng
    "code": string, // Ma khách hàng
    "name": string, // Tên khách hàng
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng
    "email": string, // Email của khách hàng
    "comments": string, // Ghi chú
  },
  ...]
}
```

Response:

```
{
  "message": "Cập nhật danh sách khách hàng thành công"
}
```

2.7. Lấy danh sách chi nhánh

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách toàn bộ chi nhánh của cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/branches>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int?,

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,

"includeRemovedIds": boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xoá dựa trên lastModifiedFrom

Response:

```
{
  "removedIds": int [], // chi nhánh ngừng hoạt động
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": int, // Id chi nhánh
      "branchName": string,
      "branchCode": string,
      "contactNumber": string,
      "retailerId": int, // Id của hàng
      "email": string,
      "address": string,
      "modifiedDate": datetime?
      "createdDate": datetime
    }
  ],
}
```

```
"timestamp": datetime
}
```

2.8. Lấy danh sách người dùng

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách toàn bộ người dùng của cửa hàng đã được xác nhận và không cho thấy thông tin Super Admin (isAdmin = true).

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/users>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int?,

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,

“includeRemovelds”: boolean //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": long, // ID người dùng
      "userName": string, // Tên đăng nhập
      "givenName": string, // Họ tên
      "address": string, // Địa chỉ
      "mobilePhone": string // Điện thoại
      "email": string, // Email
    }
  ]
}
```

```
    "description": string, // ghi chú
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "birthDate": date // Ngày sinh
    "createdDate": datetime
  }],
  "removeIds": int [] // danh sách khách hàng bị xóa và ngừng hoạt động dựa
trên ModifiedDate
}
```

2.9. Lấy danh sách tài khoản ngân hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại toàn bộ danh sách tài khoản ngân hàng của cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/BankAccounts>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số

```
"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật
"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items
"currentItem": int?,
"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)
"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,
"includeRemoveIds": boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom
```

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
```

```
    "id": int, // ID tài khoản ngân hàng
    "bankName": string, // Tên tài khoản ngân hàng
    "accountNumber": string, // Số tài khoản ngân hàng
    "description": string, // ghi chú
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật,
    "createdDate": datetime
  }],
  "removeIds": int [] // danh sách khách hàng bị xóa dựa trên ModifiedDate
}
```

2.10. Thu khác

2.10.1. Lấy danh sách thu khác

Mục đích sử dụng: Trả lại toàn bộ danh sách thu khác của cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/surchages>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

```
"branchId": int?, // Id chi nhánh
"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật
"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items
"currentItem": int?,
"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)
"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,
```

Response:

```
{
```



```
"total": int,
"pageSize": int,
"data": [
  {
    "id": long, // Id thu khác
    "surchargeCode": string, // Mã thu khác
    "surchargeName": string, // Tên thu khác
    "valueRatio": double, // Phần trăm thu khác
    "value": decimal? // Giá trị thu khác
    "retailerId": int, // Id cửa hàng
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createDate": datetime
  }
]
```

Chú ý: Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng thu khác như sau:

Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Hỗ trợ các khoản thu khác khi bán hàng”, khi gọi các API danh sách thu khác, API sẽ trả lại thông báo exception “Chưa bật thu khác trong thiết lập cửa hàng”.

2.10.2. Thêm mới thu khác

Mục đích sử dụng: Thêm mới một thu khác

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/surchages>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object nhóm hàng riêng biệt với những tham số sau:

```
{
  "name": string // tên thu khác
  "code": string // mã thu khác (nếu không truyền lên, hệ thống sẽ tự
động sinh mã code)
  "value": decimal? // giá trị thu khác
```

```
}
```

Response:

```
{
  "message": "Thông tin thu khác được cập nhật thành công",
  "data": {
    "id": long, // Id thu khác
    "surchargeCode": string, // Mã thu khác
    "surchargeName": string, // Tên thu khác
    "valueRatio": double, // Phần trăm thu khác
    "value": decimal? // Giá trị thu khác
    "retailerId": int, // Id cửa hàng
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createDate": datetime
  }
}
```

2.10.3. Cập nhật thu khác

Mục đích sử dụng: Cập nhật một thu khác

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/surchages/id>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object nhóm hàng riêng biệt với những tham số sau:

"id": long // ID thu khác

Body

```
{
  "name": string // tên thu khác
  "code": string // mã thu khác
}
```

```
"value": decimal // giá trị thu khác  
}
```

Response:

```
{  
  "message": "Thông tin thu khác được cập nhật thành công",  
  "data": {  
    "id": long, // Id thu khác  
    "surchargeCode": string, // Mã thu khác  
    "surchargeName": string, // Tên thu khác  
    "valueRatio": double, // Phần trăm thu khác  
    "value": decimal? // Giá trị thu khác  
    "retailerId": int, // Id cửa hàng  
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật  
    "createDate": datetime  
  }  
}
```

2.10.4. Ngừng hoạt động thu khác

Mục đích sử dụng: Ngừng/cho phép hoạt động 1 thu khác

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/surchages/id/activesurcharge>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object nhóm hàng riêng biệt với những tham số sau:

"id": long // ID thu khác

Body

```
{  
  "isActive": bool// true: cho phép hoạt động; false : ngừng hoạt động  
}
```

Response:

```
{
  "message": "Cập nhật dữ liệu thành công",
}
```

2.11. Webhook

Webhook là mô hình một public API chủ động gọi vào một server của bên thứ ba khi có thay đổi xảy ra. Nó tương đương với mô hình data push (trái ngược với polling), trong đó server chủ động gọi cho client thay vì client phải thường xuyên kiểm tra server.

API Webhook được mô tả chi tiết như bên dưới:

2.11.1. Đăng ký Webhook

Mục đích sử dụng: Đăng ký webhook

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/webhooks>

Request:

```
{
  "Webhook": {
    "Type": string, // Loại webhook
    "Url": string, // Địa chỉ đăng ký
    "IsActive": Boolean, // Trạng thái hoạt động
    "Description": string // Mô tả
  }
}
```

Response:

```
{
  "id": long, // webhook id
}
```

```
"type": string, //Loại webhook
"url": string, // Địa chỉ đăng ký
"isActive": Boolean, // Trạng thái hoạt động
"description": string, // Mô tả
"retailerId": int, // Id của hàng
}
```

2.11.2. Hủy đăng ký Webhook

Mục đích sử dụng: Hủy đăng ký Webhook

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/webhooks/{id}>

Request: Request sẽ bao gồm Id của webhook trong URL:

"id": int // ID của Webhook

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
  "message": "Hủy đăng ký webhook thành công"
}
```

2.11.3. Khách hàng

customer.update

```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
    "Data": [{
      "Id": long,
```

```

        "Code": string,
        "Name": string,
        "Gender": bool?,
        "BirthDate": Datetime?,
        "ContactNumber": string,
        "Address": string,
        "LocationName": string,
        "Email": string,
        "ModifiedDate": DateTime,
        "Type": byte?,
        "Organization": string,
        "TaxCode": string,
        "Comments": string

    }
}

```

customer.delete

```
{ "RemoveId": int [] }
```

2.11.4. Hàng hóa

product.update

```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
```

```
    "Data": [{  
        "Id": long,  
        "Code": string,  
        "Name": string,  
        "FullName": string,  
        "CategoryId": int,  
        "CategoryName": string,  
        "masterProductId" : long?,  
        "AllowsSale": bool,  
        "HasVariants": bool,  
        "BasePrice": Decimal,  
        "Weight": double?,  
        "Unit": string,  
        "MasterUnitId": long?,  
        "ConversionValue": double?,  
        "ModifiedDate": DateTime?,  
        "Attributes": [{  
            "ProductId": long,  
            "AttributeName": string,  
            "AttributeValue" : string  
        }],  
        "Units": [{  
            "Id": long,  
            "Code": string,  
            "Name": string,  
            "FullName": string,  
            "Unit": string,  
        }]  
    }]
```

```
        "ConversionValue": double,
        "BasePrice": Decimal
    }],
    "Inventories": [{
        "ProductId": long,
        "ProductCode": string,
        "ProductName": string,
        "BranchId": int,
        "BranchName": string,
        "Cost": Decimal,
        "OnHand": double,
        "Reserved": double
    }],
    "PriceBooks": [{
        "ProductId": long,
        "PriceBookId": long,
        "PriceBookName": string,
        "Price" : Decimal,
        "IsActive": bool,
        "StartDate": DateTime?,
        "EndDate": DateTime?
    }],
    "Images": [{"Image": string}]
}
}
```


product.delete

```
{"RemoveId": int []}
```

2.11.5. Tồn kho**stock.update**

```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
    "Data": [{
      "ProductId": long,
      "ProductCode": string,
      "ProductName": string,
      "BranchId": int,
      "BranchName": string,
      "Cost": Decimal,
      "OnHand": double,
      "Reserved": double
    }]
  }]
}
```

2.11.6. Đặt hàng**order.update**

```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
    "Data": [{
      "Id": long,
      "Code": string,
      "PurchaseDate": DateTime,
      "BranchId": int,
      "SoldById": long?,
      "SoldByName": string,
      "CustomerId": long?,
      "CustomerCode": string,
      "CustomerName": string,
      "Total": Decimal,
      "TotalPayment": Decimal,
      "Discount": Decimal?,
      "DiscountRatio": double?,
      "Status" : int,
      "StatusValue": string,
      "Description": string,
      "UsingCod": bool
      "ModifiedDate": Datetime?
      "OrderDetails": [{
        "ProductId": long,
        "ProductCode": string,
```

```
        "ProductName": string,  
        "Quantity": double,  
        "Price": Decimal,  
        "Discount": Decimal?,  
        "DiscountRatio": double?  
    }  
}  
}]  
}]  
}
```

2.11.7. Hóa đơn

invoice.update

```
{  
    "Id": string,  
    "Attempt": int,  
    "Notifications": [{  
        "Action": string,  
        "Data": [{  
            "Id": long,  
            "Code": string,  
            "PurchaseDate": DateTime,  
            "BranchId": int,  
            "BranchName": string,  
            "SoldById": long,  
            "SoldByName": string,  
            "CustomerId": long?,  
            "CustomerCode": string,  
        ]  
    }  
}]  
}
```

```

        "CustomerName": string,
        "Total": Decimal,
        "TotalPayment": Decimal,
        "Discount": Decimal?,
        "DiscountRatio": double?,
        "Status": byte, (1: hoàn thành, 2: đã hủy,
3: đang xử lý: 5: không giao được)
        "StatusValue": string,
        "Description": string,
        "UsingCod": bool,
        "ModifiedDate": DateTime?,
        "InvoiceDelivery": {
            "DeliveryCode": string,
            "Status": byte, (1: chưa giao
hàng, 2: đang giao hàng, 3: đã giao hàng, 4: đang chuyển hoàn, 5 đã chuyển
hoàn, 6: đã hủy
            "StatusValue": string,
            "Type": byte?,
            "Price": Decimal?,
            "Receiver": string,
            "ContactNumber": string,
            "Address": string,
            "LocationId": int?,
            "LocationName": string,
            "Weight": double?,
            "Length": double?,
            "Width": double?,
            "Height": double?,

```

```
string,

    "PartnerDeliveryId": long?,
    "PartnerDelivery": {
        "Code": string,
        "Name": string,
        "ContactNumber":

        "Address": string,
        "Email": string

    }

},
"InvoiceDetails": [{
    "ProductId": long,
    "ProductCode": string,
    "ProductName": string,
    "Quantity": double,
    "Price": Decimal,
    "Discount": Decimal?,
    "DiscountRatio": double?

}],
"Payments": [{
    "Id": long,
    "Code": string,
    "Amount": Decimal,
    "AccountId": int?,
    "BankAccount": string,
    "Description": string,
    "Method": string,
    "Status": byte?,
```

```
        "StatusValue": string,  
        "TransDate": DateTime  
    }]  
  
    }]  
  
}
```

2.12. Hóa đơn

Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng hóa đơn như sau:

- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Cho phép bán hàng khi hết tồn kho”, thì POST/PUT các API liên quan đến việc bán các sản phẩm đã hết tồn kho, trả lại thông báo “Thiết lập “Cho phép bán hàng khi hết tồn kho” đang không được bật”
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Sử dụng tính năng giao hàng”, các giao dịch liên quan tới giao hàng sẽ không hiển thị trên kiotviet nữa. Vì vậy khi gọi các API liên quan tới phần giao hàng, cần trả lại thông báo “Thiết lập “Sử dụng tính năng giao hàng” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng tích chọn setting “Sử dụng tính năng giao hàng” nhưng không tích chọn setting cho “Quản lý thu hộ tiền”, các giao dịch liên quan tới thu hộ tiền sẽ không hiển thị trên kiotviet nữa. Vì vậy khi gọi các API liên quan tới phần thu hộ tiền, cần trả lại thông báo “Thiết lập “Quản lý thu hộ tiền” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng”, khi Post/ Put các API liên quan thời gian bán hàng, trả lại thông báo “Thiết lập “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng” đang không được bật”.

Mô tả chi tiết cho các API hỗ trợ Hóa đơn như sau:

2.12.1. Lấy danh sách hóa đơn

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách hóa đơn theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/invoices>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"branchIds": int[], optional // ID chi nhánh

“customerIds”: long[], optional // Id khách hàng

“customerCode”: string //Mã khách hàng

“status”: int[], optional // Tình trạng đặt hàng

“includePayment”: Boolean, // có lấy thông tin thanh toán

“includeInvoiceDelivery”: Boolean, //hóa đơn có giao hàng hay không

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“toDate”: datetime? //Thời gian cập nhật cho đến thời điểm toDate

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

“orderId”: long?, // Lọc danh sách hóa đơn theo Id của đơn đặt hàng

“createdDate”: datetime? //Thời gian tạo

“fromPurchaseDate”: datetime? //Từ ngày giao dịch

“toPurchaseDate”: datetime? //Đến ngày giao dịch

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [{
    "id": long //Id đặt hàng
    "code": string //Mã đặt hàng
```

```
"purchaseDate": datetime // Ngày đặt hàng
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"soldById": long?,
"soldByName": string
"customerId": long?, // Id khách hàng
"customerCode": string, Mã khách hàng
"customerName": string, // Tên khách hàng
"total": decimal, // Khách cần trả
"totalPayment": decimal, //Khách đã trả
"status": int, // trạng thái hóa đơn
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"usingCod": boolean,
"createdDate": datetime, //Ngày tạo
"modifiedDate": datetime, //Ngày cập nhật
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
}],
"invoiceOrderSurcharges": [      {
```



```

        "id": long,
        "invoiceId": long?,
        "surchargeId": long?,
        "surchargeName": string,
        "surValue": decimal?,
        "price": decimal?,
        "createdDate": DateTime
    }
],
"invoiceDetails" :{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "productCode": string,
    "productName": string, //Tên hàng hóa
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal, //Giá trị
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền
    "note": string // Ghi chú hàng hóa
    "serialNumbers": string, // Danh sách imei
    "productBatchExpire": {
        "id": long, // Id lô
        "productId" long, // ID sản phẩm
        "batchName": string, // Tên
        "fullNameVirgule": string, // Tên đầy đủ
        "createdDate": DateTime, // Ngày tạo lô

```

```
        "expireDate": DateTime // Ngày hết hạn lô
    }
},
"SaleChannel":{
    "IsNotDelete": bool,
    "RetailerId": long,
    "Position": int,
    "IsActivate": bool,
    "CreatedBy": long,
    "CreatedDate": datetime,
    "Id": long,
    "Name": string
},// Để lấy thông tin SaleChannel thì phải truyền thêm
//SaleChannel=true
"invoiceDelivery":{
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "status": byte, (1: Chờ xử lý, 2: Đang giao hàng, 3: Giao
thành công, 4: Đang chuyển hoàn, 5: Đã chuyển hoàn, 6: Đã hủy, 7: Đang lấy hàng,
8: Chờ lấy lại, 9: Đã lấy hàng, 10: Chờ giao lại, 11: Chờ chuyển hàng, 12: Chờ
chuyển hoàn lại) //trạng thái vận đơn
    "statusValue": string,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
```

```
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    }
}
}]
}
```

2.12.2. Lấy chi tiết hóa đơn

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của hóa đơn theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/invoices/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/invoices/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của hóa đơn

"code": string // Mã của hóa đơn

Response:

```
{

  "id": long //Id hóa đơn

  "code": string //Mã hóa đơn

  "orderCode": string //Mã đơn đặt hàng

  "purchaseDate": datetime // Ngày hóa đơn

  "branchId": int, //Id chi nhánh

  "branchName": string, //Tên chi nhánh

  "soldById": long?,

  "soldByName": string

  "customerId": long?, // Id khách hàng

  "customerCode": string, //Mã khách hàng

  "customerName": string, // Tên khách hàng

  "total": decimal, // Khách cần trả

  "totalPayment": decimal, //Khách đã trả

  "status": int, // trạng thái đơn hóa đơn

  "statusValue": string, // trạng thái đơn hóa đơn bằng chữ

  "description": string, // ghi chú

  "usingCod": boolean,

  "createdDate": datetime, //Ngày tạo

  "modifiedDate": datetime, //Ngày cập nhật

  "payments" :[{

    "id": long,

    "code": string,

    "amount": decimal,

    "method": string,

    "status": byte?,

    "statusValue": string,
```

```

        "transDate": datetime,
        "bankAccount": string,
        "accountId": int?
    }],
    "invoiceOrderSurcharges": [
        {
            "id": long,
            "invoiceId": long?,
            "surchargeId": long?,
            "surchargeName": string,
            "surValue": decimal?,
            "price": decimal?,
            "createdDate": DateTime
        }
    ],
    "invoiceDetails" :{
        "productId": long, // Id hàng hóa
        "productCode": string,
        "productName": string, //Tên hàng hóa
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
        "price": decimal, //Giá trị
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền
        "note": string // Ghi chú hàng hóa
        "serialNumbers": string, // Danh sách imei
        "productBatchExpire": {

```

```
        "id": long, // Id lô
        "productId" long, // ID sản phẩm
        "batchName": string, // Tên
        "fullNameVirgule": string, // Tên đầy đủ
        "createdDate": DateTime, // Ngày tạo lô
        "expireDate": DateTime // Ngày hết hạn lô
    }
},
"invoiceDelivery":{
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "status": byte, (1: chưa giao hàng, 2: đang giao hàng, 3: đã
giao hàng, 4: đang chuyển hoàn, 5 đã chuyển hoàn, 6: đã hủy) //trạng thái vận
đơn
    "statusValue": string,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
    "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
    "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
    "weight": double?,
    "length": double?,
    "width": double?,
    "height": double?,
    "partnerDeliveryId": long?,
```

```
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        },
        "SaleChannel": {
            "IsNotDelete": bool,
            "RetailerId": long,
            "Position": int,
            "IsActivate": bool,
            "CreatedBy": long,
            "CreatedDate": datetime,
            "Id": long,
            "Name": string
        }
    }
}
```

2.12.3. Thêm mới hóa đơn

Mục đích sử dụng: Tạo mới hóa đơn

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/invoices>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object hóa đơn:

```
{
    "branchId": int,
    "purchaseDate": datetime,
```

```
    "customerId": long?,
    "discount": decimal?,
    "totalPayment": decimal,
    "saleChannelId": int? optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền
    mặc định kênh khác
    "method": string,
    "accountId": int?,
    "usingCod": bool,
    "soldById": long,
    "orderId": long?,
    "invoiceDetails": [{
        "productId": long,
        "productCode": string,
        "productName": string,
        "quantity": double,
        "price": decimal,
        "discount": decimal?,
        "discountRatio": decimal?,
        "note": string
    }],
    "deliveryDetail": {
        "deliveryCode": string,
        "type": byte?,
        "status": byte, (1: Chờ xử lý, 2: Đang giao hàng, 3: Giao
        thành công, 4: Đang chuyển hoàn, 5: Đã chuyển hoàn, 6: Đã hủy, 7: Đang lấy hàng,
        8: Chờ lấy lại, 9: Đã lấy hàng, 10: Chờ giao lại, 11: Chờ chuyển hàng, 12: Chờ
        chuyển hoàn lại) //trạng thái vận đơn
        "price": Decimal?,
```



```
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int,
        "locationName": string,
        "weight": double,
        "length": double,
        "width": double,
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
        "height": double,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "expectedDelivery": datetime,
        "partnerDelivery":{
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        },
        "surchages":[{
            "id": int,
            "code": string,
            "price": decimal,
        }]
    }
}
```

Response:

```
{  
    "id": long,  
    "code": string,  
    "purchaseDate": datetime,  
    "branchId": int,  
    "branchName": string,  
    "soldById": long?,  
    "soldByName": string,  
    "customerId": long?,  
    "customerName": string,  
    "saleChannelId" : int?, optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền  
    mặc định kênh khác  
    "total": decimal, // Khách cần trả  
    "totalPayment": decimal, //Khách đã trả  
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %  
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền  
    "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)  
    "status": int, // trạng thái đơn đặt hàng  
    "statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ  
    "description": string, // ghi chú  
    "usingCod": boolean,  
    "invoiceDetails" :{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
        (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
```

```
        "price": decimal, //Giá trị
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền,
        "note": string // Ghi chú hàng hóa
    },
    "deliveryDetail":{
        "deliveryCode": string,
        "type": byte?,
        "status": byte, (1: chưa giao hàng, 2: đang giao hàng, 3: đã
giao hàng, 4: đang chuyển hoàn, 5 đã chuyển hoàn, 6: đã hủy) //trạng thái vận
đơn
        "statusValue": string,
        "price": Decimal?,
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int?,
        "locationName": string,
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
"weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery":{
            "code": string,
```

```
        "name": string,  
        "address": string,  
        "contactNumber": string,  
        "email": string  
    },  
    },  
    "invoiceOrderSurcharges": [        {  
        "id": long,  
        "invoiceId": long?,  
        "surchargeId": long?,  
        "surchargeName": string,  
        "surValue": decimal?,  
        "price": decimal?,  
        "createdDate": DateTime  
    }  
    ],  
}
```

2.12.4. Cập nhật hóa đơn

Mục đích sử dụng: Cập nhật hóa đơn theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/invoices/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID hóa đơn qua 1 object JSON.

"id": long // ID hóa đơn

Body

```
{  
    "purchaseDate": datetime  
    "status": byte,  
}
```

```
    "soldById": long,

    "codPaymentMethod": string, //Phương thức thanh toán thu hộ (Cash,
Tranfer),

    "codPaymentAccount": int?, //Id tài khoản ngân hàng nếu thanh toán
chuyển khoản, thẻ ngân hàng,

    "saleChannelId": int? optional // Id kênh bán hàng, nếu không truyền
mặc định kênh khác

    "deliveryDetail":{

        "deliveryCode": string,

        "type": byte?,

        "status": byte, (1: chưa giao hàng, 2: đang giao hàng, 3: đã
giao hàng, 4: đang chuyển hoàn, 5 đã chuyển hoàn, 6: đã hủy) //trạng thái vận
đơn

        "price": Decimal?,

        "receiver": string,

        "contactNumber": string,

        "address": string,

        "locationId": int,

        "locationName": string,

        "weight": double,

        "length": double,

        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền

        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ

        "width": double,

        "height": double,

        "partnerDeliveryId": long?,

        "expectedDelivery": datetime,

        "partnerDelivery":{

            "code": string,
```

```
        "name": string,  
        "address": string,  
        "contactNumber": string,  
        "email": string  
    }  
}  
}
```

Response:

```
{  
    "id": long,  
    "code": string,  
    "purchaseDate": datetime,  
    "branchId": int,  
    "branchName": string  
    "soldById": long?,  
    "soldByName": string,  
    "customerId": long?,  
    "customerName": string,  
    "total": decimal, // Khách cần trả  
    "totalPayment": decimal, //Khách đã trả  
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %  
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền  
    "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)  
    "status": int, // trạng thái đơn đặt hàng  
    "statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ  
    "description": string, // ghi chú
```

```
"usingCod": boolean,
"saleChannelId": int?,
"invoiceDetails" :{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "productName": string, //Tên hàng hóa
                        (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal, //Giá trị
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền
},
"deliveryDetail":{
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "status": byte, (1: chưa giao hàng, 2: đang giao hàng, 3: đã
giao hàng, 4: đang chuyển hoàn, 5 đã chuyển hoàn, 6: đã hủy) //trạng thái vận
đơn
    "statusValue": string,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
    "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
    "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
```

```
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    }
}
```

2.12.5. Xóa hóa đơn

Mục đích sử dụng: Xóa hóa đơn theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/invoices>

Request : JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object tham số sau:

```
{
    "id": long // ID của hóa đơn
    "isVoidPayment":bool // Hủy phiếu thanh toán gắn kèm hóa đơn, nếu
không truyền tham số này thì mặc định không hủy phiếu thanh toán gắn kèm hóa
đơn
}
```


Response:

```
{
  "id": long,
  "code": string,
  "purchaseDate": datetime,
  "branchId": int,
  "branchName": string,
  "soldById": long?,
  "soldByName": string,
  "customerId": long?,
  "customerName": string,
  "saleChannelId" : int?, optional // Id kênh bán hàng
  "total": decimal, // Khách cần trả
  "totalPayment": decimal, //Khách đã trả
  "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %
  "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền
  "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)
  "status": 2, // trạng thái đơn
  "statusValue": "Đã hủy", // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
  "description": string, // ghi chú
  "usingCod": boolean,
  "invoiceDetails" :{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "productName": string, //Tên hàng hóa
    (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
  }
}
```

```
        "price": decimal, //Giá trị
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên SP theo %
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên SP theo tiền,
        "note": string // Ghi chú hàng hóa
    },
    "deliveryDetail":{
        "deliveryCode": string,
        "type": byte?,
        "status": byte, (1: Chờ xử lý, 2: Đang giao hàng, 3: Giao
thành công, 4: Đang chuyển hoàn, 5: Đã chuyển hoàn, 6: Đã hủy, 7: Đang lấy hàng,
8: Chờ lấy lại, 9: Đã lấy hàng, 10: Chờ giao lại, 11: Chờ chuyển hàng, 12: Chờ
chuyển hoàn lại) //trạng thái vận đơn
        "statusValue": string,
        "price": Decimal?,
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int?,
        "locationName": string,
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery":{
            "code": string,
```

```
        "name": string,  
        "address": string,  
        "contactNumber": string,  
        "email": string  
    },  
    },  
    "payments": [  
        {  
            "id": string,  
            "code": string,  
            "amount": decimal,  
            "method": string,  
            "status": byte,  
            "statusValue": byte,  
            "transDate": datetime  
        }  
    ],  
  
    "invoiceOrderSurcharges": []  
}
```

2.13. Nhóm khách hàng

2.13.1. Lấy danh sách nhóm khách hàng

Mục đích sử dụng: lấy danh sách nhóm khách hàng

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/customers/group>

Response:

```
{
  "total": int // Tổng danh sách nhóm
  "data": [
    {
      "id": int // Id nhóm khách hàng
      "name": string // Tên nhóm khách hàng,
      "description": string // Ghi chú,
      "createdDate": DateTime // Ngày tạo,
      "createdBy": long // Id người tạo,
      "retailerId": int // Id chi nhánh,
      "discount": decimal? // Giảm giá,
      "customerGroupDetails": [
        {
          "id": long // Id Chi tiết nhóm khách hàng
          "customerId": long // Id khách hàng
          "groupId": int // Id nhóm khách hàng
        }
      ]
    }
  ]
}
```

2.14. Sổ quỹ

2.14.1. Lấy danh sách sổ quỹ

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách phiếu thu chi trong sổ quỹ theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/cashflow>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“branchIds”: int[], optional // ID chi nhánh

“code”: string[] //Danh sách mã code của phiếu

"userId": long? //Id người tạo

"accountId": int? //Tài khoản nhận

"partnerType": string //Loại người nộp/nhận: A: tất cả, C: khách hàng, S: nhà cung cấp, U: nhân viên, D: tối tác giao hàng, O: khác

"method": string[] //Danh sách phương thức thanh toán

"cashFlowGroupId": int?[] //Loại thu/chi

"usedForFinancialReporting": int? //Lọc theo kết quả kinh doanh: 0: không hoạch toán, 1: đưa vào hoạch toán

"partnerName": string //Tên người nộp/nhận

"contactNumber": string //Số điện thoại người nộp/nhận

"isReceipt": bool? //Theo phiếu thu/chi; True: thu, false: chi

"includeAccount": bool //Lấy thông tin tài khoản ngân hàng hay không

"includeBranch": bool? //Lấy tên chi nhánh hay không

"includeUser": bool? //Lấy tên người tạo hay không

"startDate": datetime? // thời gian bắt đầu

"endDate": datetime? // thời gian kết thúc

"status": int? // trạng thái phiếu; 0: Đã thanh toán, 1: Đã hủy, không truyền: tất cả

"ids": long?[] // Id phiếu thu/chi

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [{
    "id": long //Id phiếu
```

```
    "code": string //Mã phiếu
    "address": string // Địa chỉ
    "branchId": int, //Id chi nhánh
    "wardName": string, //Tên phường
    "contactNumber": string, // Số điện thoại
    "createdBy": long // Id người tạo
    "usedForFinancialReporting": int,
    "cashFlowGroupId": int?, Id loại thu chi
    "method": string, // phương thức thanh toán
    "partnerType": string, // Người nộp/nhận
    "partnerId": long?, // Id người nộp/nhận
    "status": int, // trạng thái phiếu
    "statusValue": string, // trạng thái phiếu bằng chữ
    "transDate": datetime, //Ngày tạo
    "amount": decimal, // Giá trị
    "partnerName": string, //tên người nộp/nhận
    "user": string, // tên người tạo
    "AccountId":int? // Id tài khoản ngân hàng
    "Description":string //Ghi chú
  }
}
```

2.15. Nhập hàng

2.15.1. Lấy danh sách nhập hàng

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách nhập hàng

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/purchaseorders>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"branchIds": int[], optional // ID chi nhánh

"status": int[], optional // Tình trạng đặt hàng

"includePayment": Boolean, // có lấy thông tin thanh toán

"includeOrderDelivery": Boolean,

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

Response:

```
"total": int,
"pageSize": int,
"data": [{
    "id": long //Id phiếu
    "code": string //Mã phiếu
    "branchId": int, //Id chi nhánh
    "branchName": string, //Tên chi nhánh
    "purchaseDate": datetime, // Ngày nhập hàng
    "discountRatio": long // Giảm giá phần trăm
    "total": int, // Giá trị nhập hàng
    "supplierId": long, //Id nhà cung cấp
    "supplierName": string, // Tên nhà cung cấp
    "supplierCode": string, // Mã nhà cung cấp
    "partnerType": string, // Người nộp/nhận
    "purchaseById": long?, // Id người nhập
    "purchaseName": int, // tên người nhập
    "purchaseOrderDetails" :[{
        "productId": long, // Id hàng hóa
        "ProductCode": string, // mã hàng hóa
        "productName": string, // Tên hàng hóa
```

```
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
        "price": decimal, //Giá trị
        "discount": string, // Giảm giá
        "serialNumbers": string, // Danh sách imei
        "productBatchExpire": {
            "id": long, // Id lô
            "productId" long, // ID sản phẩm
            "batchName": string, // Tên
            "fullNameVirgule": string, // Tên đầy đủ
            "createdDate": DateTime, // Ngày tạo lô
            "expireDate": DateTime // Ngày hết hạn lô
        }
    } // Thông tin nhập hàng chi tiết
}
}
```

2.15.2. Lấy chi tiết nhập hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại chi tiết của một sản phẩm cụ thể theo ID

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/purchaseorders/{id}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của của nhập hàng

Response:

```
{
    "id": long //Id phiếu
    "retailerId": long // Id shope
    "code": string //Mã phiếu
}
```



```
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"purchaseDate": datetime, // Ngày nhập hàng
"discountRatio": long // Giảm giá phần trăm
"total": int, // Giá trị nhập hàng
"supplierId": long, //Id nhà cung cấp
"supplierName": string, // Tên nhà cung cấp
"supplierCode": string, // Mã nhà cung cấp

"partnerType": string, // Người nộp/nhận
"purchaseById": long?, // Id người nhập
"purchaseName": int, // tên người nhập
"purchaseOrderDetails" :[{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "ProductCode": string, // mã hàng hóa
    "productName": string, // Tên hàng hóa
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal, //Giá trị
    "discount": string, // Giảm giá
    "serialNumbers": string, // Danh sách imei
    "productBatchExpire": {
        "id": long, // Id lô
        "productId" long, // ID sản phẩm
        "batchName": string, // Tên
        "fullNameVirgule": string, // Tên đầy đủ
        "createdDate": DateTime, // Ngày tạo lô
        "expireDate": DateTime // Ngày hết hạn lô
    }
}]
```

```
    }

    } // Thông tin nhập hàng chi tiết

    "payments" : [{

        "id": long, // Id thanh toán

        "code": string, // mã thanh toán

        "method": string, // phương thức thanh toán

        "status": int, // trạng thái

        "statusValue": string, // tên trạng thái

        "transDate": DateTime, // ngày Thanh toán

    } // Thông tin thanh toán

}
```

2.15.3. Thêm mới nhập hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới phiếu nhập hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/purchaseorders>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object nhập hàng

```
{

    "purchaseDate": datetime, // Ngày nhập hàng

    "branchId": int, // Id chi nhánh

    "supplier": {

        "code": string,

        "name": string,

        "contactNumber": string,

        "address": string,

        "email": string,

        "comment": string

    }

}
```

```
    }, // Thông tin Nhà cung cấp

    "description": string        // Ghi chú phiếu nhập

    "isDraft": int                // Trạng thái của phiếu nhập

    "discount": decimal?         // Số tiền giảm giá

    "discountRatio": double?     // Phần trăm giảm giá

    "paidAmount": decimal,       // Tiền trả trước cho NCC

    "paymentMethod": string,     // Phương thức thanh toán cho NCC (Cash,
Transfer, Card)

    "accountId" : long           // Id của tài khoản ngân hàng nếu phương thức
thanh toán là TRANSFER, CARD (lấy thông tin từ
https://public.kiotapi.com/BankAccounts)

    "surcharges" : [{

        "code": string,          // Mã chi phí

        "name": string,          // Tên chi phí

        "value": decimal?,       // Số tiền thu

        "valueRatio": decimal?,  // Phần trăm thu

        "isSupplierExpense": bool, // Hoàn lại khi trả hàng nhập

        "type": int,             // Hình thức, chi phí nhập trả nhà cung
cấp?

    }] // Danh sách thu khác, bao gồm chi phí trả nhà cung cấp hoặc không
trả nhà cung cấp.

    "purchaseOrderDetails" : [{

        "productCode": string,   // Mã hàng hóa

        "description": string,   // Ghi chú

        "quantity": double,      // Số lượng hàng hóa

        "price": decimal,        // Giá nhập

        "discount": decimal?,    // Giảm giá

        "discountRatio": double?, // Giảm giá
```

```
    }] // Thông tin nhập hàng chi tiết  
}
```

Response:

```
{  
  "id": long // Id phiếu  
  "retailerId": long // Id shop  
  "code": string // Mã phiếu  
  "branchId": int, // Id chi nhánh  
  "branchName": string, // Tên chi nhánh  
  "purchaseDate": datetime, // Ngày nhập hàng  
  "discount": decimal // Số tiền giảm giá  
  "discountRatio": long // Phần trăm giảm giá  
  "total": int, // Giá trị nhập hàng  
  "supplierId": long, // Id nhà cung cấp  
  "supplierName": string, // Tên nhà cung cấp  
  "supplierCode": string, // Mã nhà cung cấp  
  "partnerType": string, // Người nộp/nhận  
  "purchaseById": long?, // Id người nhập  
  "purchaseName": int, // Tên người nhập  
  "purchaseOrderDetails" : [{  
    "productId": long, // Id hàng hóa  
    "productCode": string, // Mã hàng hóa  
    "productName": string, // Tên hàng hóa  
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
    "price": decimal, // Giá nhập  
  }  
}
```

```
    "discount": decimal,    // Giảm giá
    "discountRatio": double?, // Giảm giá
  } // Thông tin nhập hàng chi tiết

  "payments" : [{
    "id": long,            // Id thanh toán
    "code": string,        // Mã thanh toán
    "method": string,      // Phương thức thanh toán,
    "amount": decimal,    // Phương thức thanh toán,
    "status": int,         // Trạng thái
    "statusValue": string, // Tên trạng thái
    "transDate": DateTime, // Ngày Thanh toán
  }] // Thông tin thanh toán
}
```

2.15.4. Cập nhật nhập hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật phiếu nhập hàng theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/purchaseorders/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID phiếu nhập hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID phiếu nhập hàng

Body

```
{
  "purchaseDate": datetime, // Ngày nhập hàng
  "branchId": int,          // Id chi nhánh
  "supplier": {
    "code": string,
    "name": string,
```

```
    "contactNumber": string,

    "address": string,

    "email": string,

    "comment": string
}, // Thông tin Nhà cung cấp

"description": string           // Ghi chú phiếu nhập
"isDraft": bool                 // Trạng thái của phiếu nhập.
"discount": decimal?           // Số tiền giảm giá
"discountRatio": double?       // Phần trăm giảm giá
"paidAmount": decimal,         // Tiền trả trước cho NCC
"paymentMethod": string,       // Phương thức thanh toán cho NCC (Cash,
Transfer, Card)

"accountId" : long,             // Id account tài khoản ngân hàng nếu phương
thức thanh toán là TRANSFER, CARD,

"surcharges" : [{

    "code": string,              // Mã chi phí
    "name": string,              // Tên chi phí
    "value": decimal?,           // Số tiền thu
    "valueRatio": decimal?,      // Phần trăm thu
    "isSupplierExpense": bool,   // Hoàn lại khi trả hàng nhập
    "type": int,                 // Hình thức, chi phí nhập trả nhà cung
cấp?

}] // Danh sách thu khác, bao gồm chi phí trả nhà cung cấp hoặc không
trả nhà cung cấp.

"purchaseOrderDetails" : [{

    "productCode": string,       // Mã hàng hóa
```

```
    "description": string,    // Ghi chú
    "quantity": double,      // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal,        // Giá nhập
    "discount": decimal?,    // Số tiền giảm giá
    "discountRatio": double?, // Phần trăm giảm giá

  }] // Thông tin nhập hàng chi tiết
}
```

Response:

```
{
  "id": long                // Id phiếu
  "retailerId": long        // Id shop
  "code": string            // Mã phiếu
  "branchId": int,          // Id chi nhánh
  "branchName": string,     // Tên chi nhánh
  "purchaseDate": datetime, // Ngày nhập hàng
  "discount": decimal       // Số tiền giảm giá
  "discountRatio": long     // Phần trăm giảm giá
  "total": int,             // Giá trị nhập hàng
  "supplierId": long,       // Id nhà cung cấp
  "supplierName": string,   // Tên nhà cung cấp
  "supplierCode": string,   // Mã nhà cung cấp
  "partnerType": string,    // Người nộp/nhận
  "purchaseById": long?,    // Id người nhập
  "purchaseName": int,      // Tên người nhập
}
```

```
    "purchaseOrderDetails" : [{
        "productId": long,          // Id hàng hóa
        "productCode": string,      // Mã hàng hóa
        "productName": string,      // Tên hàng hóa
        "quantity": double,         // Số lượng hàng hóa
        "price": decimal,           // Giá nhập
        "discount": decimal,        // Giảm giá
        "discountRatio": double?,    // Giảm giá
    }] // Thông tin nhập hàng chi tiết

    "payments" : [{
        "id": long,                 // Id thanh toán
        "code": string,             // Mã thanh toán
        "method": string,           // Phương thức thanh toán,
        "amount": decimal,          // Phương thức thanh toán,
        "status": int,              // Trạng thái
        "statusValue": string,      // Tên trạng thái
        "transDate": DateTime,      // Ngày Thanh toán
    }] // Thông tin thanh toán
}
```

2.15.5. Xóa nhập hàng

Mục đích sử dụng: Xóa đơn đặt hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/purchaseorders?id={Id}&IsVoidPayment=true>

Request: Gồm Id của phiếu nhập hàng trong URL:

"id": long // ID của phiếu nhập hàng

"IsVoidPayment": bool // Hủy phiếu thanh toán, nếu không truyền tham số này thì mặc định không hủy phiếu thanh toán gắn kèm đặt hàng

Response:

```
{
  "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.16. Bảng giá

2.16.1. Lấy danh sách bảng giá

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách bảng giá

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/pricebooks>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

- "includePriceBookBranch": Boolean, optional // Có lấy thông tin danh sách chi nhánh áp dụng bảng giá
- "includePriceBookCustomerGroups": Boolean, optional // Có lấy thông tin danh sách nhóm KH áp dụng bảng giá
- "includePriceBookUsers": Boolean, optional // Có lấy thông tin danh sách người dùng áp dụng bảng giá
- "orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)
- "orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc
- "currentItem": int?,
- "pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items
- "lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

Response:

```
{
  "total": int, tổng
  "pageSize": int, bao nhiêu dòng / 1 trang dữ liệu
}
```

```
"data": [{
    "id": long // id bảng giá
    "name": string // tên bảng giá
    "isActive": boolean // trạng thái hoạt động hay không
    "isGlobal": boolean, // có phải là bảng giá chung không
    "startDate": datetime, // ngày bắt đầu áp dụng
    "endDate": datetime, // ngày hết hạn
    "forAllCusGroup": boolean // áp dụng cho tất cả nhóm khách hàng
    "forAllUser": boolean, // áp dụng cho tất cả user
    "priceBookBranches" ://

    [{
        "id": long, //Id quan hệ bảng giá - chi nhánh
        "priceBookId": long, //ID bảng giá
        "branchId": long, //ID chi nhánh áp dụng
    }],
    "priceBookCustomerGroups" ://
    [{
        "customerGroupName": string,
        "id": long, //Id quan hệ bảng giá - nhóm khách hàng
        "priceBookId": long, //ID bảng giá
        "customerGroupId": long, //ID nhóm khách hàng
    }],
    "priceBookUsers" :[{
        "userName": string, //Tên người dùng
        "id": long, //Id quan hệ
        "priceBookId": long, //ID bảng giá
        "userId": long, //ID người dùng
    }],
}]
```

```
}
```

2.16.2. Lấy chi tiết bảng giá

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của bảng giá theo ID

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/pricebooks/{id}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

```
"id": long // ID của bảng giá

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ:
orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc
(Mặc định), giảm dần Desc

"currentItem": int? // lấy dữ liệu từ bản ghi hiện tại, nếu không nhập
thì mặc định là 0

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa
100 items

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật
```

Response:

```
{

"total": int,

"pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100
items

"data": [{

    "productId": long //ID của hàng hóa

    "productCode": string // code của hàng hóa

    "price": decimal // giá
```

```
}}}
```

2.17. Kênh bán hàng

2.17.1. Lấy danh sách kênh bán hàng

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách hóa đơn theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/salechannel>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

`"orderBy":string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy`

(Ví dụ: `orderBy=name`)

`"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc
(Mặc định), giảm dần Desc`

`"currentItem": int? // lấy dữ liệu từ bản ghi hiện tại, nếu không nhập thì
mặc định là 0`

`"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa
100 items`

`"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật`

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100
  items
  "data": [{
    "id": long // Id kênh bán hàng
    "name": string // tên kênh bán hàng
    "isActive": boolean // còn sử dụng không
    "img": string // đường dẫn ảnh đại diện
```

```
    "isNotDelete" : boolean // true = không thể xóa
  ] ] }
```

2.18. Trả hàng

2.18.1. Lấy danh sách trả hàng

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách trả hàng theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/returns>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“orderBy”: string, optional //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (ví dụ: orderBy=Name)

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int, // lấy dữ liệu từ bản ghi currentItem

“includePayment”: Boolean, // có lấy thông tin danh sách thanh toán?

“orderDirection”: string, optional

Nếu có "OrderDirection", chọn sắp xếp kết quả về theo:

- ASC (Mặc định)
- DESC

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100
  items
  "data": [{
```

```
"id": long //Id trả hàng
"code": string //Mã trả hàng
"invoiceId": long? //Id hóa đơn
"returnDate": datetime // Ngày trả hàng
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"receivedById": long //Id người nhận trả
"soldByName": string // Tên người bán hàng
"customerId": long?, // Id khách hàng
"customerCode": string, Mã khách hàng
"customerName": string, // Tên khách hàng
"returnTotal": decimal, // Tổng tiền trả hàng
"totalPayment": decimal, //Tổng tiền khách trả
"status": int, // trạng thái phiếu trả hàng
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"createdDate": datetime, //Ngày tạo
"modifiedDate": datetime, //Ngày cập nhật
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?,
```

```
        "description": string
    }],
    "returnDetails" : [{
        "productId": long, // Id hàng hóa
        "productCode": string, // Mã hàng hóa
        "productName": string, //Tên hàng hóa
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
        "price": decimal, //Giá trị
        "note": string // Ghi chú hàng hóa
        "usePoint": bool? // Có dùng tích điểm hay không
        "subTotal": decimal // Tổng tiền hàng
    }]
}]}
```

2.18.2. Lấy chi tiết phiếu trả hàng

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của phiếu trả hàng theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/returns/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/returns/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của trả hàng

"code": string // Mã của trả hàng

Response:

```
{
```

```
"id": long //Id trả hàng
"code": string //Mã trả hàng
"invoiceId": long? //Id hóa đơn
"returnDate": datetime // Ngày trả hàng
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"receivedById": long //Id người nhận trả
"soldByName": string // Tên người bán hàng
"customerId": long?, // Id khách hàng
"customerCode": string, Mã khách hàng
"customerName": string, // Tên khách hàng
"returnTotal": decimal, // Tổng tiền trả hàng
"returnDiscount": decimal?, // Giảm giá trả hàng
"returnFee": decimal?, // Phí trả hàng
"totalPayment": decimal, //Tổng tiền khách trả
"status": int, // trạng thái phiếu trả hàng
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"createdDate": datetime, //Ngày tạo
"modifiedDate": datetime, //Ngày cập nhật
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
```



```
        "bankAccount": string,  
        "accountId": int?,  
        "description": string  
    }],  
    "returnDetails" : [{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
        "productCode": string, // Mã hàng hóa  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
        "price": decimal, //Giá trị  
        "note": string // Ghi chú hàng hóa  
        "usePoint": bool? // Có dùng tích điểm hay không  
        "subTotal": decimal // Tổng tiền hàng  
    }]  
}
```

2.19. Đặt hàng nhập

2.19.1. Lấy danh sách đặt hàng nhập

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách đặt hàng nhập

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/ordersuppliers>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"branchId": int? // Id chi nhánh

"status": int? // Trạng thái đặt hàng nhập

"productKey": string, //Mã nhập hàng

"supplierKey": string, // Mã nhà cung cấp

"userNamKey": string, // Mã người tạo

"userNamCreatedKey": string, // Mã người đặt

"expensesOthersIds": string, // Chi phí nhập trả nhà cung cấp

"descriptionKey": string, // Ghi chú

"codeKey": string, // Mã phiếu đặt hàng nhập

"purchaseOrderCode": string, // Mã phiếu nhập hàng

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items
  "data": [{
    "id": long, //Id nhập hàng
    "code": string, //Mã đặt hàng
    "invoiceId": long?, //Id nhập hàng
    "orderDate": datetime, // Ngày đặt
    "branchId": int, //Id chi nhánh
    "retailerId": int, //Id cửa hàng
    "userId": long, //Id người dùng
    "description": string, // Ghi chú
    "status": int, // Trạng thái
    "discountRatio": string, // Giảm giá theo %
    "productQty": double?, // Số lượng
    "discount": decimal?, // Giảm giá
    "createdDate": datetime, // Ngày tạo
    "createdBy": long, // Id người tạo
  ]
}
```

```
"orderSupplierDetails": [  
  {  
    "id": long,  
    "orderSupplierId": long,  
    "productId": long,  
    "quantity": double,  
    "price": decimal,  
    "discount": decimal,  
    "allocation": decimal,  
    "createdDate": datetime,  
    "description": string,  
    "orderByNumber": int?,  
    "allocationSuppliers": decimal?,  
    "allocationThirdParty": decimal?,  
    "orderQuantity": double,  
    "subTotal": decimal,  
  }  
],  
"OrderSupplierExpensesOthers": [  
  {  
    "id": long,  
    "form": int?,  
    "expensesOtherOrder": byte?,  
    "expensesOtherCode": string,  
    "expensesOtherName": string,  
    "expensesOtherId": int,  
    "orderSupplierId": long?,  
  }  
]
```

```
        "price": decimal,  
        "isReturnAuto": bool?,  
        "exValue": decimal?,  
        "createdDate": datetime  
    }  
],  
  
    "total": decimal,  
    "exReturnSuppliers": decimal?,  
    "exReturnThirdParty": decimal?,  
    "totalAmt": decimal?,  
    "totalQty": double?,  
    "totalQuantity": double,  
    "subTotal": decimal,  
    "paidAmount": decimal,  
    "toComplete": bool,  
    "statusValue": string,  
    "viewPrice": bool,  
    "supplierDebt": decimal,  
    "supplierOldDebt": decimal,  
    "purchaseOrderCodes": string,  
    } ] }
```

2.19.2. Lấy chi tiết đặt hàng nhập

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của phiếu đặt hàng nhập

Phương thức và URL:

GET <https://public.kiotapi.com/ordersuppliers/{id}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“id”: long // ID đặt hàng nhập

Response:

```
{

"total": int,

"pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"data": [{

    "id": long, //Id nhập hàng

    "code": string, //Mã đặt hàng

    "invoiceId": long?,//Id nhập hàng

    "orderDate": datetime, // Ngày đặt

    "branchId": int, //Id chi nhánh

    "retailerId": int, //Id của hàng

    "userId": long, //Id người dùng

    "description": string, // Ghi chú

    "status": int, // Trạng thái

    "discountRatio": string, // Giảm giá theo %

    "productQty": double?, // Số lượng

    "discount": decimal?,// Giảm giá

    "createdDate": datetime, // Ngày tạo

    "createdBy": long, // Id người tạo

    "orderSupplierDetails": [

        {

            "id": long,
```

```
        "orderSupplierId": long,  
        "productId": long,  
        "quantity": double,  
        "price": decimal,  
        "discount": decimal,  
        "allocation": decimal,  
        "createdDate": datetime,  
        "description": string,  
        "orderByNumber": int?,  
        "allocationSuppliers": decimal?,  
        "allocationThirdParty": decimal?,  
        "orderQuantity": double,  
        "subTotal": decimal,  
    }  
],  
"OrderSupplierExpensesOthers": [  
    {  
        "id": long,  
        "form": int?,  
        "expensesOtherOrder": byte?,  
        "expensesOtherCode": string,  
        "expensesOtherName": string,  
        "expensesOtherId": int,  
        "orderSupplierId": long?,  
        "price": decimal,  
        "isReturnAuto": bool?,  
        "exValue": decimal?,
```

```
        "createdDate": datetime
    }
],
"total": decimal,
"exReturnSuppliers": decimal?,

"exReturnThirdParty": decimal?,
"totalAmt": decimal?,
"totalQty": double?,
"totalQuantity": double,
"subTotal": decimal,
"paidAmount": decimal,
"toComplete": bool,
"statusValue": string,
"viewPrice": bool,
"supplierDebt": decimal,
"supplierOldDebt": decimal,
"purchaseOrderCodes": string,
}}}
```

2.20. Lấy danh sách location

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin location

Phương thức và URL:

GET <https://public.kiotapi.com/locations>

Request: Không có tham số

Response:

```
{

    "total": int,

    "pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100
    items

    "data": [{

        "id": long, //Id location

        "name": string, //Tên location

        "normalName": string //Tên không dấu

    }]

}
```

2.21. Thiết lập cửa hàng

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách thiết lập cửa hàng

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/settings>

Request: Sử dụng hàm GET

Response:

```
{

    "ManagerCustomerByBranch" : bool, // Quản lí khách hàng theo chi nhánh

    "AllowOrderWhenOutStock" : bool, // Cho phép đặt hàng khi hết tồn kho

    "AllowSellWhenOrderOutStock" : bool // Bán hàng, chuyển hàng khi sản phẩm
    đã được đặt hàng

}
```